

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Kim Hoàn

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Kim Hoàn

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Kim Hoàn

Mã SV: 1113401029

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc trong nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu thực tiễn của doanh nghiệp.
- Chăm chỉ, khiêm tốn, cố gắng, nỗ lực trong quá trình làm bài
- Hoàn thành khóa luận theo đúng tiến độ của Giảng viên hướng dẫn và của nhà trường

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận theo đề tài nghiên cứu.
- Nắm được tình hình kế toán tại doanh nghiệp và công tác kế toán theo đề tài được giao.
- Đánh giá được thực trạng công tác kế toán theo đề tài tại doanh nghiệp.
- Đề xuất và phân tích một số giải pháp tương đối phù hợp.
- Phương pháp trình bày dễ hiểu, văn phong gọn gàng.
- Tuy nhiên một số giải pháp đưa ra cần phân tích sâu, cụ thể hơn thì giải pháp sẽ thuyết phục hơn.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Ngày sinh:/...../.....

Lớp: Ngành: Khóa

Thực tập tại:

Từ ngày:/...../... đến ngày/...../...

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

.....
.....
.....
.....

2. Về những công việc được giao:

.....
.....
.....
.....

3. Kết quả đạt được:

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2013

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
I – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TSCĐ	3
1. Khái niệm về tài sản cố định (TSCĐ)	3
2. Đặc điểm của tài sản cố định	3
3. Phân loại tài sản cố định	4
3.1 Phân loại TSCĐ theo kết cấu	4
3.2 Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu	6
3.3 Phân loại tài sản cố định theo hình thức sử dụng	6
3.4 Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng	7
II – NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	7
III – CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN ĐỐI VỚI KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	8
1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	8
2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	10
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	12
4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ	14
5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	16
IV – ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	18

1. Nguyên giá tài sản cố định (giá trị ghi sổ ban đầu)	18
1.1. Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình	18
1.2. Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình	21
1.3. Tài sản cố định thuê tài chính	23
2. Thời gian sử dụng các loại tài sản cố định	24
2.1. Thời gian sử dụng tài sản cố định hữu hình	24
2.2. Thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình	30
3. Giá trị hao mòn của tài sản cố định	30
4. Xác định giá còn lại của tài sản cố định	31
IV – CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP	32
1. Nguyên tắc quản lý tài sản cố định	32
2. Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ	32
2.1 Kế toán chi tiết TSCĐ ở từng bộ phận sử dụng, bảo quản	32
2.2 Kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán	32
3. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ	33
3.1 Kế toán tài sản cố định hữu hình	34
3.2 Kế toán tài sản cố định vô hình	42
3.3 Kế toán TSCĐ thuê ngoài	46
3.4 Kế toán cho thuê tài sản cố định	50
V – KẾ TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	53

1. Khái niệm về khấu hao TSCĐ	53
2. Tài khoản kế toán sử dụng	53
3. Các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định	54
3.1 Phương pháp khấu hao đường thẳng	54
3.2 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh	56
3.3 Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm	57
4. Kế toán khấu hao TSCĐ	59
VI – KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	60
1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ	60
2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ	61
VII – CÔNG TÁC KẾ TOÁN KIỂM KÊ ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ	62
PHẦN II : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG	63
I – LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG	63
1. Giới thiệu chung	63
2. Quy trình sản xuất của Công ty	66
3. Tổ chức bộ máy quản lý	67
4. Tổ chức công tác kế toán	70
II - CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG	72

1. Tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ tại Công ty	72
2. Phân loại tài sản tại công ty	72
3. Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty	73
3.1. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ tại Công ty	73
3.2 Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ ở Công ty	83
3.3 Kế toán tổng hợp khấu hao TSCĐ ở Công ty	95
3.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ tại công ty	102
PHẦN III : MỘT SỐ NHẬN XÉT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG	110
I – Một số nhận xét về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng	110
1. Đánh giá những ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng	110
1.1 Về bộ máy quản lý	110
1.2. Bộ máy kế toán	110
1.3 Ưu điểm về kế toán Tài sản cố định (TSCĐ) tại Công ty	112
2. Đánh giá những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng	113
2.1 Về công tác kế toán nói chung	113
2.2. Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ trong Công ty	114
II - Một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác “ Kế toán tài sản cố định “ tại Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng	115

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	115
2. Các kiến nghị hoàn thiện	116
2.1 Kiến nghị 1	116
2.2 Kiến nghị 2	118
2.3 Kiến nghị 3	118
2.4 Kiến nghị 4	121
KẾT LUẬN	122

LỜI MỞ ĐẦU

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thì kế toán là một công việc quan trọng phục vụ cho việc hạch toán và quản lý kinh tế, nó đóng vai trò tích cực đối với việc quản lý tài sản và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm cường độ lao động và tăng năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhất là khi khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành Giao thông vận tải, kế toán tài sản cố định là một khâu quan trọng trong toàn bộ khối lượng kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình tài sản cố định hiện có của công ty và tình hình tăng giảm TSCĐ.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các TSCĐ của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán TSCĐ luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý kinh tế của Nhà nước. Với xu thế ngày càng phát triển và hoàn thiện của nền kinh tế thị trường ở nước ta thì các quan niệm về TSCĐ và cách hạch toán trước đây không còn phù hợp nữa nên cần phải sửa đổi, bổ sung, cải tiến và hoàn thiện kịp thời cả về mặt lý luận và thực tiễn để phục vụ yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Sau quá trình học tập ở trường cùng với thời gian thực tập, tìm hiểu, nghiên cứu tại Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng, em đã lựa chọn đề tài *“Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Ô tô*

khách Hải Phòng” với mong muốn góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc cải tiến và hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khóa luận của em gồm 3 phần sau:

Phần I: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tài sản cố định trong các Doanh nghiệp.

Phần II : Thực trạng tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng.

Phần III : Một số nhận xét nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của Ban giám đốc, các cán bộ trong phòng kế toán của Công ty và cô giáo hướng dẫn. Vì trình độ còn hạn chế, thời gian có hạn nên bài khóa luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Kim Hoàn

PHẦN I:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****I – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH****1. Khái niệm về tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định là những hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho thuê hoặc cho hoạt động hành chính sự nghiệp, phúc lợi, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ. Theo thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính, các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời ba điều kiện sau:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng từ trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

2. Đặc điểm của tài sản cố định

Khi tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, TSCĐ có các đặc điểm sau:

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh khác nhau của doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu cho đến lúc hư hỏng.
- Giá trị của TSCĐ bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng và được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra.

- TSCĐ chỉ thực hiện một vòng luân chuyển khi giá trị của nó được thu hồi toàn bộ.

3. Phân loại tài sản cố định

Sự cần thiết phải phân loại TSCĐ nhằm mục đích giúp cho các doanh nghiệp có sự thuận tiện trong công tác quản lý và hạch toán TSCĐ. Thuận tiện trong việc tính và phân bổ khấu hao cho từng loại hình kinh doanh. TSCĐ được phân loại theo các tiêu thức sau:

3.1 – Phân loại TSCĐ theo kết cấu:

Theo cách này, TSCĐ của Doanh nghiệp chủ yếu gồm:

- **Tài sản cố định hữu hình:** là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định), thỏa mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: là tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống ...

+ Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

+ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

+ Thiết bị dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

+ Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, cao su, cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh ...; súc vật làm việc và cho sản phẩm như đàn voi, ngựa, trâu, bò

+ Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

- **Tài sản cố định vô hình:** là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định vô hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh như: một số chi phí liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế ; bản quyền tác giả các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sản phẩm; kết quả của cuộc biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

- **Đầu tư tài chính dài hạn:** Đầu tư tài chính là tiền vốn của doanh nghiệp đầu tư vào kinh doanh ở bên ngoài hoạt động của doanh nghiệp mục đích hưởng lãi hoặc chia sẻ lợi ích với Doanh nghiệp khác. Đầu tư tài chính có thể là: cổ phiếu, trái phiếu các loại; vốn góp liên doanh; tài sản, đất đai cho thuê ngoài; tiền vốn cho vay v.v...

- **Tài sản cố định dở dang:** là các TSCĐ hữu hình hoặc vô hình đang trong quá trình hình thành, hiện chưa sử dụng và được xếp vào mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Ngoài ra, những khoản ký quỹ, ký cược dài hạn mà doanh nghiệp thực hiện cũng được xếp vào TSCĐ.

3.2 – Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu

Theo cách phân loại này, TSCĐ của Doanh nghiệp được phân chia thành:

- **Tài sản cố định tự có:** là những TSCĐ được đầu tư mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự có của Doanh nghiệp như nguồn vốn được cấp phát, vốn tự bổ sung, vốn vay ...

- **Tài sản cố định thuê ngoài:** là những TSCĐ mà doanh nghiệp đi thuê của đơn vị, cá nhân khác, Doanh nghiệp có quyền quản lý và sử dụng trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng thuê, được phân thành:

+ **Tài sản cố định thuê tài chính:** là những tài sản mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được chuyển lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính, ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

+ **Tài sản cố định thuê hoạt động:** mọi hợp đồng thuê TSCĐ nếu không thỏa mãn các quy định về thuê tài chính đều là tài sản cố định thuê hoạt động.

3.3 – Phân loại tài sản cố định theo hình thức sử dụng

- TSCĐ đang dùng.
- TSCĐ chưa cần dùng.
- TSCĐ không cần dùng và chờ thanh lý.

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp nắm được tình hình sử dụng tài sản cố định để có biện pháp tăng cường TSCĐ hiện có, giải phóng nhanh chóng các TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý.

3.4 – Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng

- **TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh:** là TSCĐ đang sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **TSCĐ dùng trong hoạt động phúc lợi;** TSCĐ mà đơn vị dùng cho nhu cầu phúc lợi công cộng như nhà văn hóa, nhà trẻ, xe ca phúc lợi ...

- **TSCĐ chờ xử lý:** TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu hoặc không thích hợp với sự đổi mới công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết. Những tài sản này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

II – NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

TSCĐ đóng một vai trò rất quan trọng trong công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp vì nó là bộ phận chủ yếu trong ổng tài sản của doanh nghiệp nói chung cũng như TSCĐ nói riêng. Cho nên để thuận lợi cho công tác quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp, kế toán TSCĐ cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.

Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản theo chế độ quy định. Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán cho chi phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐ về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.

Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới, nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng giảm nguyên giá TSCĐ cũng như tình hình quản lý, nhượng bán TSCĐ.

Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận trực thuộc trong các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐ, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ theo chế độ quy định.

III – CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN ĐỐI VỚI KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

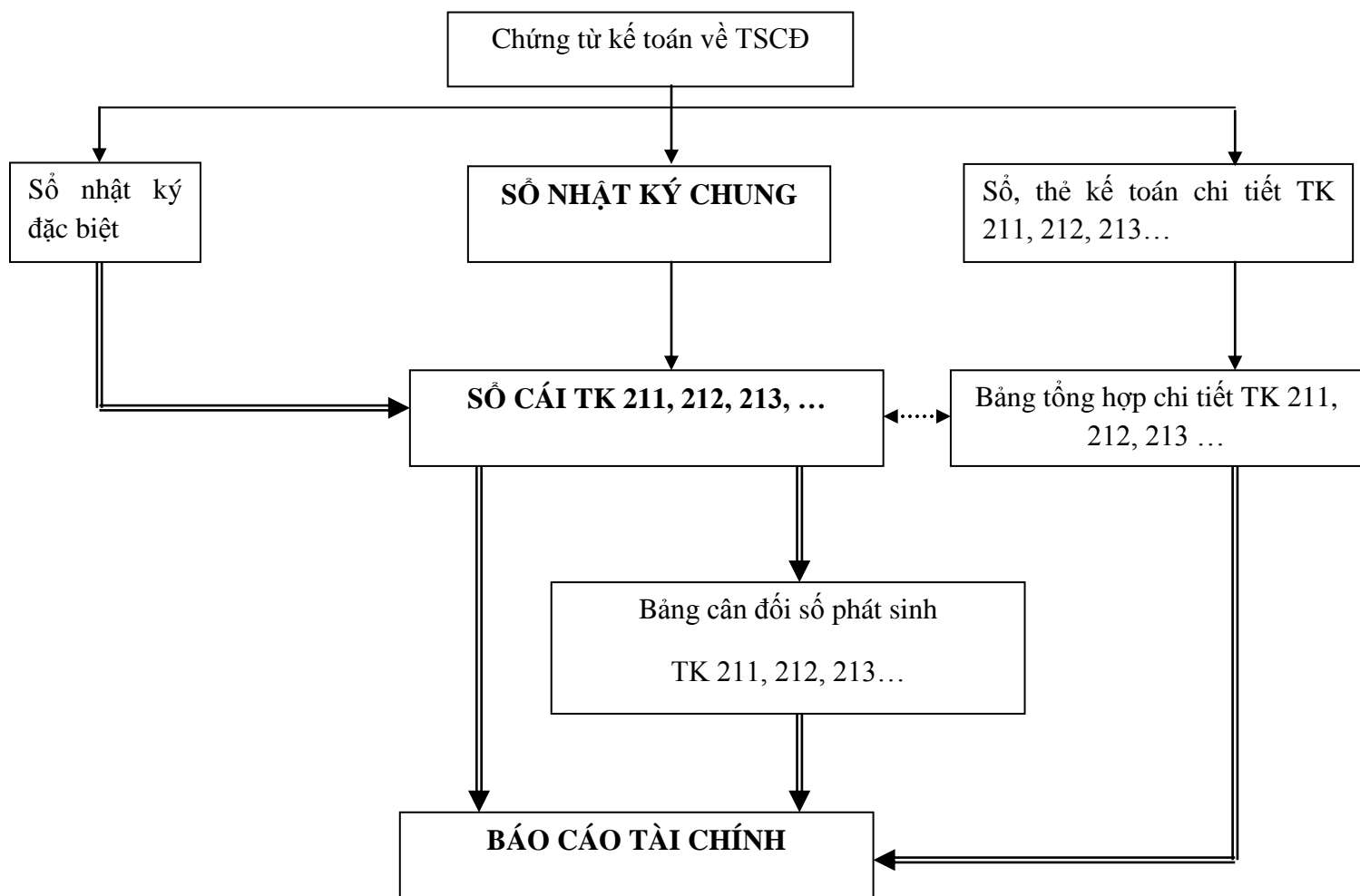
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái TK 211, 212, 213, 214, ...
- Các sổ, các thẻ kế toán chi tiết TK 211, 212, 213, 214, ...

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 01

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC

KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú :

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯←→

2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

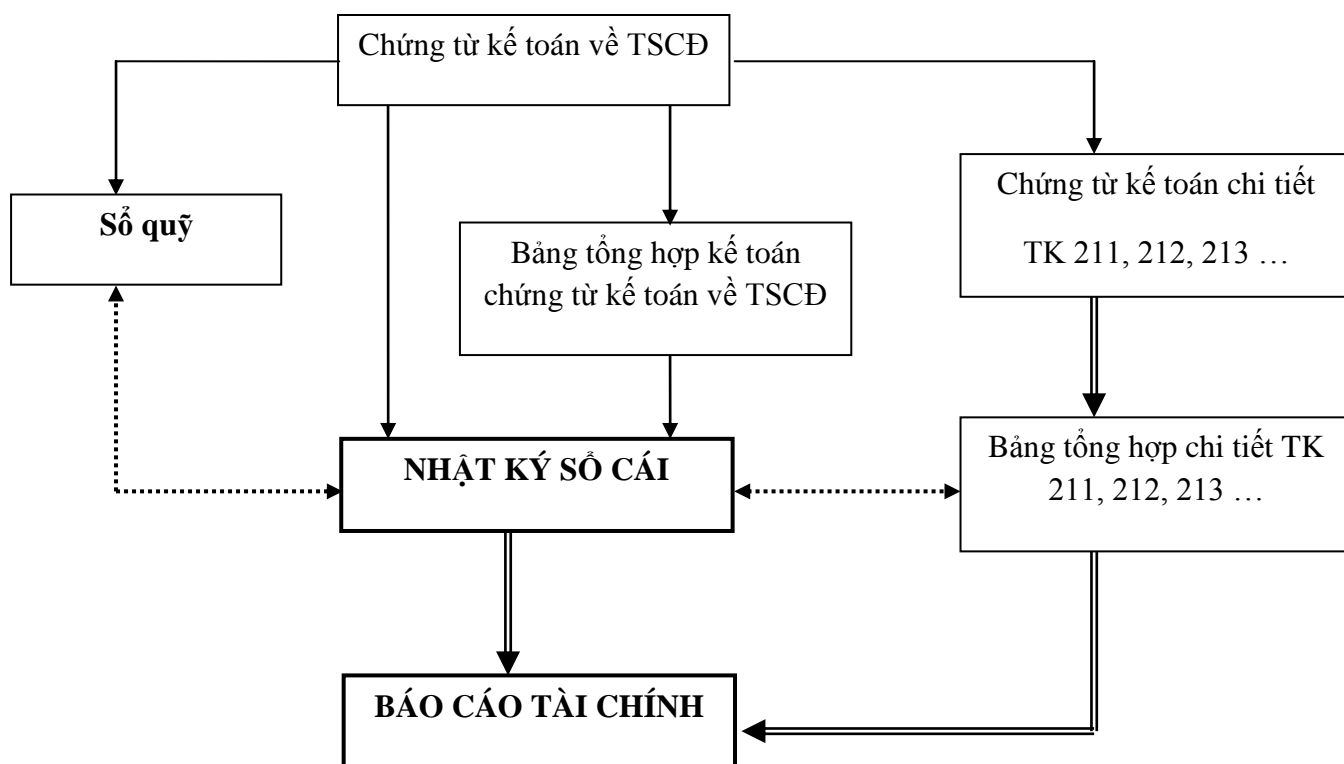
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:
- Nhật ký – Sổ cái.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết TK 211, 212, 213, 214 ...

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 02

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC

KẾ TOÁN NHẬT KÝ – SỔ CÁI



Ghi chú :

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←──────────→

3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ (CTGS)

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký CTGS.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

CTGS do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

CTGS được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký – CTGS) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán CTGS gồm có các loại sổ kế toán sau:

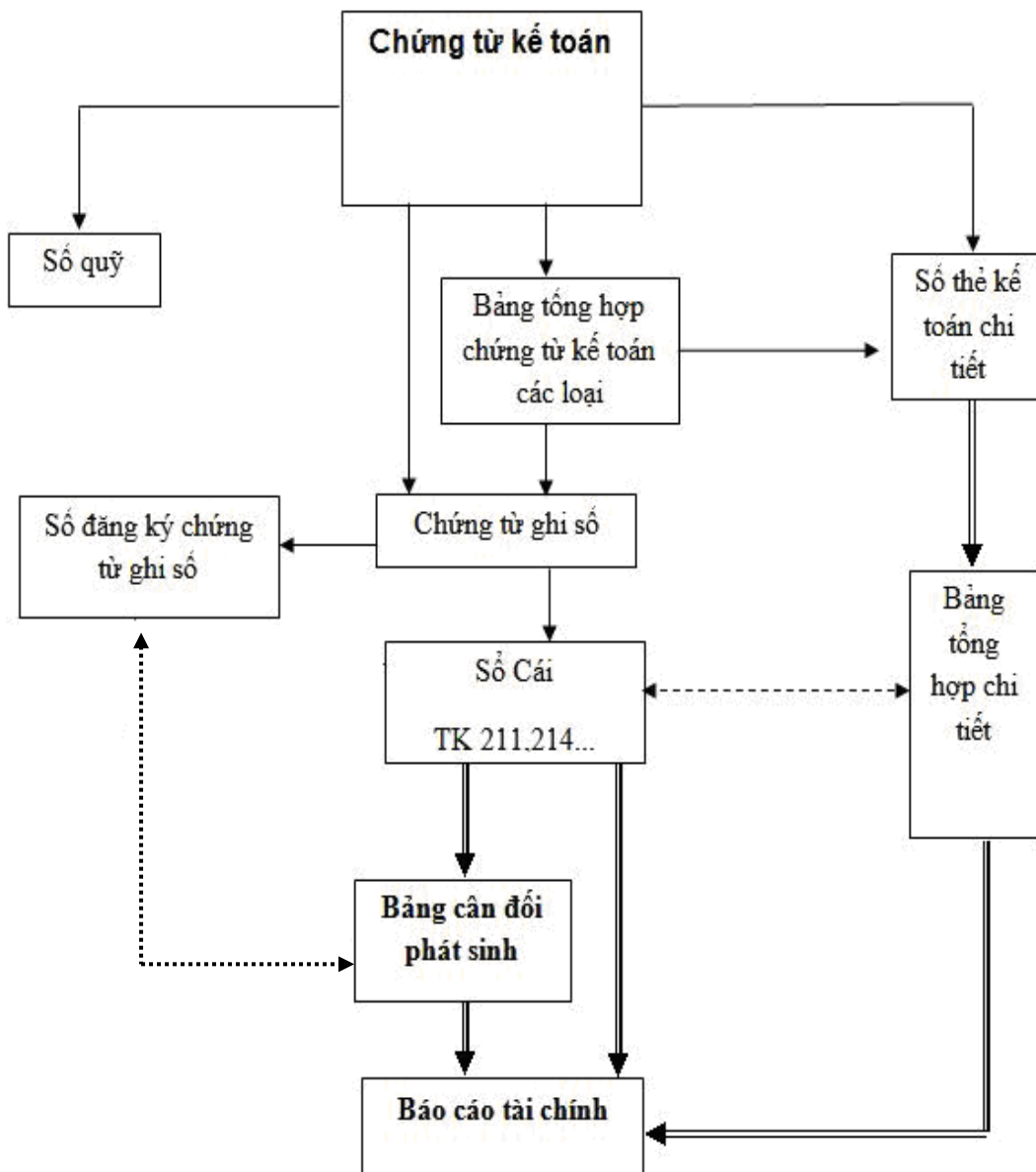
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 211, 212, 213, 214 ...
- Các sổ, thẻ TSCĐ.

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 03

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC

KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯⋯⋯↔

4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký Chứng từ (NKCT)

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép. Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán NKCT gồm có các loại sổ kế toán sau:

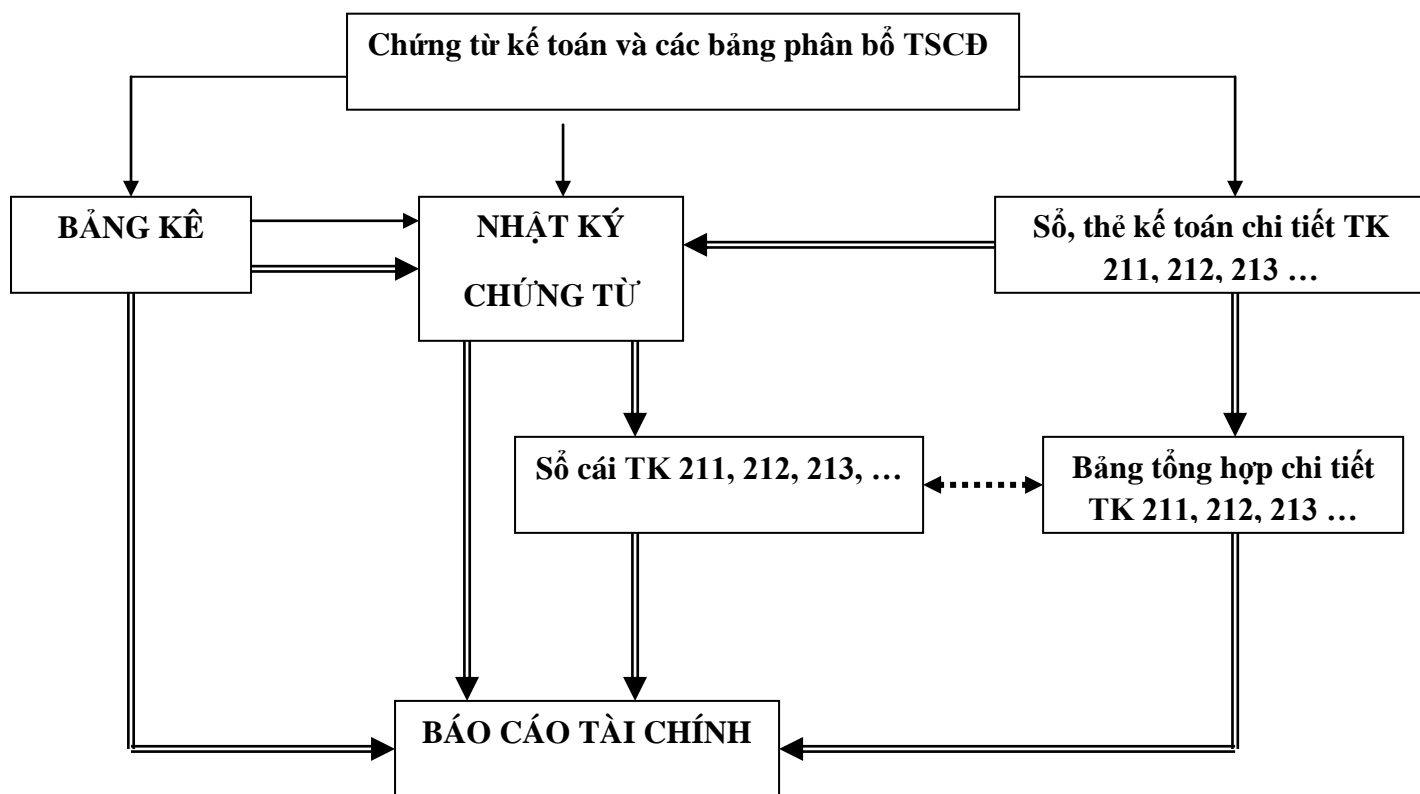
- Nhật ký chứng từ số 7, số 9, số 10 ...
- Bảng kê số 1, số 2, số 5 ...
- Sổ cái TK 211, 212, 213, 214 ...
- Sổ hoặc thẻ TSCĐ

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 04

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ



Ghi chú :

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Đối chiếu, kiểm tra ←──────────→

5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính, phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

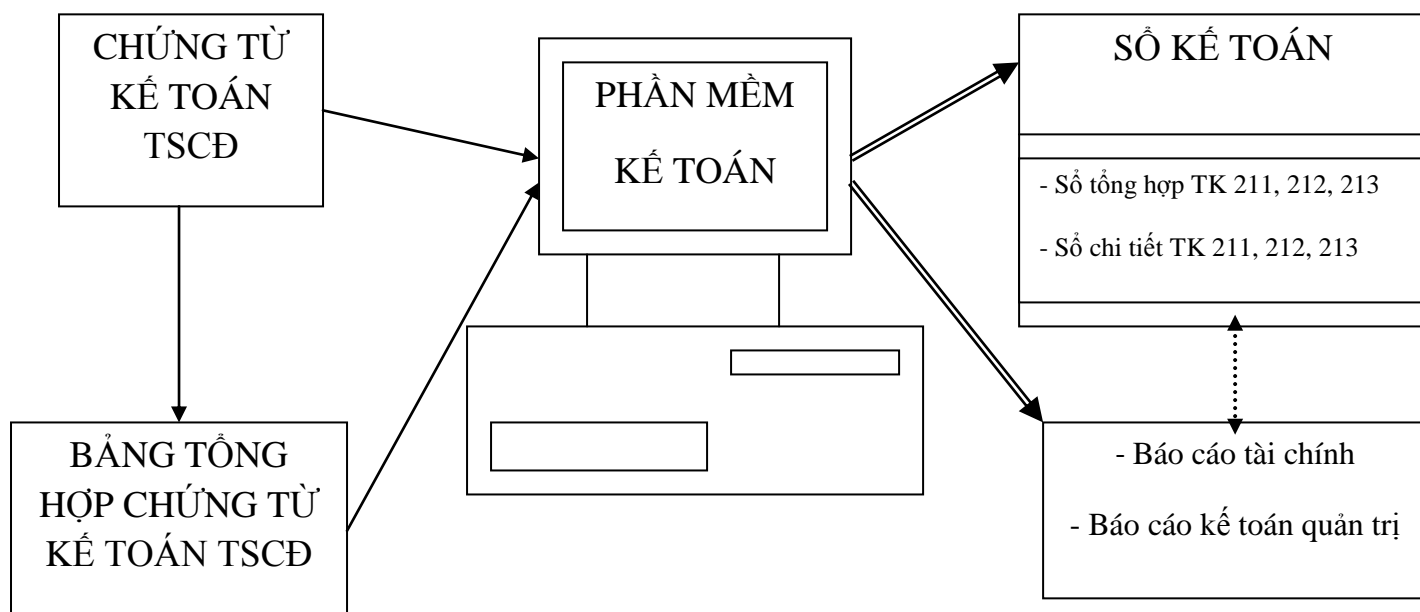
Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính : phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 05

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

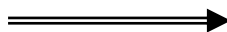


Ghi chú :

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Đối chiếu, kiểm tra



IV – ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Mục đích của đánh giá TSCĐ là nhằm đánh giá đúng năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện tính khấu hao đúng để đảm bảo thu hồi vốn đầu tư để tái đầu tư TSCĐ khi nó hư hỏng và nhằm phân tích đúng hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

Đánh giá TSCĐ là xác định giá trị TSCĐ bằng tiền theo những nguyên tắc nhất định. TSCĐ được đánh giá lần đầu và có thể đánh giá lại trong quá trình sử dụng. TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá, giá trị đã hao mòn và giá trị còn lại.

1. Nguyên giá tài sản cố định (giá trị ghi sổ ban đầu)

1.1. Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ hữu hình mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Trường hợp TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra

tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình, còn TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình cộng (+) các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan tính đến thời điểm đưa TSCĐ hữu hình vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất).

✚ Tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp.

✚ Tài sản cố định hữu hình được cấp; được điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

✚ Tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:

TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận; hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

1.2. Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Tài sản cố định vô hình mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm trả lãi chậm).

Tài sản cố định vô hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

Tài sản cố định vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

✚ Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

✚ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:

- Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình.

Cụ thể:

+ Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

+ Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì hạch toán vào chi phí kinh doanh trong thời kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

✚ Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ:

Là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

✚ Nguyên giá TSCĐ là các chương trình phần mềm:

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

1.3. Tài sản cố định thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

2. Thời gian sử dụng các loại tài sản cố định

2.1. Thời gian sử dụng tài sản cố định hữu hình:

✚ Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng tài sản cố định:

KHUNG THỜI GIAN SỬ DỤNG CÁC LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009 /TT-BTC
ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính)

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng tối thiểu (năm)	Thời gian sử dụng tối đa (năm)
A - Máy móc, thiết bị động lực		
1. Máy phát động lực	8	10
2. Máy phát điện	7	10
3. Máy biến áp và thiết bị nguồn điện	7	10
4. Máy móc, thiết bị động lực khác	6	10
B - Máy móc, thiết bị công tác		
1. Máy công cụ	7	10
2. Máy móc thiết bị dùng trong ngành khai khoáng	5	10
3. Máy kéo	6	8
4. Máy dùng cho nông, lâm nghiệp	6	8
5. Máy bơm nước và xăng dầu	6	8
6. Thiết bị luyện kim, gia công bề mặt chống gỉ và ăn mòn kim loại	7	10
7. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các loại hoá chất	6	10
8. Máy móc, thiết bị chuyên dùng sản xuất vật liệu xây dựng, đồ sành sứ, thủy tinh	10	20
9. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các linh kiện và điện tử, quang học, cơ khí chính xác	5	12

10. Máy móc, thiết bị dùng trong các ngành sản xuất da, in văn phòng phẩm và văn hoá phẩm	7	10
11. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành dệt	10	15
12. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành may mặc	5	7
13. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành giấy	5	15
14. Máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	7	12
15. Máy móc, thiết bị điện ảnh, y tế	6	12
16. Máy móc, thiết bị viễn thông, thông tin, điện tử, tin học và truyền hình	3	15
17. Máy móc, thiết bị sản xuất dược phẩm	6	10
18. Máy móc, thiết bị công tác khác	5	12
19. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành lọc hoá dầu	10	20
20. Máy móc, thiết bị dùng trong thăm dò khai thác dầu khí.	7	10
21. Máy móc thiết bị xây dựng	8	12
22. Cầu cẩu	10	20
C - Dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm		
1. Thiết bị đo lường, thử nghiệm các đại lượng cơ học, âm học và nhiệt học	5	10
2. Thiết bị quang học và quang phổ	6	10
3. Thiết bị điện và điện tử	5	8
4. Thiết bị đo và phân tích lý hoá	6	10

5. Thiết bị và dụng cụ đo phóng xạ	6	10
6. Thiết bị chuyên ngành đặc biệt	5	8
7. Các thiết bị đo lường, thí nghiệm khác	6	10
8. Khuôn mẫu dùng trong công nghiệp đúc	2	5
D - Thiết bị và phương tiện vận tải		
1. Phương tiện vận tải đường bộ	6	10
2. Phương tiện vận tải đường sắt	7	15
3. Phương tiện vận tải đường thủy	7	15
4. Phương tiện vận tải đường không	8	20
5. Thiết bị vận chuyển đường ống	10	30
6. Phương tiện bốc dỡ, nâng hàng	6	10
7. Thiết bị và phương tiện vận tải khác	6	10
E - Dụng cụ quản lý		
1. Thiết bị tính toán, đo lường	5	8
2. Máy móc, thiết bị thông tin, điện tử và phần mềm tin học phục vụ quản lý	3	8
3. Phương tiện và dụng cụ quản lý khác	5	10
G - Nhà cửa, vật kiến trúc		
1. Nhà cửa loại kiên cố (1)	25	50
2. Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà vệ sinh, nhà thay quần áo, nhà để xe...	6	25
3. Nhà cửa khác (2)	6	25

4. Kho chứa, bể chứa; cầu, đường, đường băng sân bay; bãi đỗ, sân phơi...	5	20
5. Kè, đập, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ triều đà...	6	30
6. Các vật kiến trúc khác	5	10
H - Súc vật, vườn cây lâu năm		
1. Các loại súc vật	4	15
2. Vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả, vườn cây lâu năm.	6	40
3. Thảm cỏ, thảm cây xanh.	2	8
I - Các loại tài sản cố định hữu hình khác chưa quy định trong các nhóm trên	4	25

Ghi chú: (1)

Nhà cửa loại kiên cố là loại nhà ở, trụ sở làm việc, nhà văn phòng, khách sạn... được xác định là có độ bền vững Bạc I, Bạc II. Nhà cửa khác là nhà ở, trụ sở làm việc, nhà văn phòng... được xác định là có độ bền vững Bạc III, Bạc IV theo quy định của Bộ Xây dựng.

- Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian sử dụng của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Thông tư 203/2009 – TT – BTC)}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

- Thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định:
- Trường hợp doanh nghiệp muốn xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định mới và đã qua sử dụng khác với khung thời gian sử dụng quy định, doanh nghiệp phải lập phương án thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định trên cơ sở giải trình rõ các nội dung sau:
 - Tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ theo thiết kế;
 - Hiện trạng TSCĐ (thời gian TSCĐ đã qua sử dụng, thể hệ tài sản, tình trạng thực tế của tài sản);

- Ảnh hưởng của việc tăng, giảm khấu hao TSCĐ đến kết quả sản xuất kinh doanh và nguồn vốn trả nợ các tổ chức tín dụng.

Doanh nghiệp chỉ được thay đổi thời gian sử dụng TSCĐ một lần đối với một tài sản.

2.2. Thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình:

- Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.
- Đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.
- Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

3. Giá trị hao mòn của tài sản cố định.

Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do chịu tác động của nhiều nguyên nhân nên TSCĐ bị hao mòn dần.

Sự hao mòn này có thể chia thành 2 loại: hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

- Hao mòn hữu hình: là sự giảm dần về mặt vật chất do quá trình sử dụng, bảo quản, chất lượng lắp đặt, tác động của các yếu tố tự nhiên và theo đó giá trị của TSCĐ giảm dần.
- Hao mòn vô hình là sự giảm thuần túy về mặt giá trị của TSCĐ mà nguyên nhân chủ yếu là do sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, do năng suất lao động xã hội tăng lên làm cho những tài sản trước đó bị mất giá một cách vô hình.

- Do vậy, để thu hồi lại giá trị của TSCĐ do sự hao mòn trên, cần phải tiến hành tính khấu hao TSCĐ.

4. Xác định giá còn lại của tài sản cố định.

Giá trị còn lại của TSCĐ là phần chênh lệch giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo.

+ Giá trị còn lại của TSCĐ được xác định theo công thức:

Giá trị còn lại trên sổ

$$\text{kế toán của TSCĐ} = \text{Nguyên giá} - \text{Số hao mòn lũy kế của TSCĐ}$$

Nguyên giá TSCĐ được lấy theo sổ kế toán sau khi đã tính đến các chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu.

+ Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ được điều chỉnh theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ trước khi đánh giá lại} \times \text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và kế hoạch bổ sung thêm TSCĐ và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

IV – CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

1. Nguyên tắc quản lý tài sản cố định:

a. Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

b. Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán.

c. Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định.

2. Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ.

2.1 Kế toán chi tiết TSCĐ ở từng bộ phận sử dụng, bảo quản.

Để quản lý, theo dõi TSCĐ theo bộ phận sử dụng, người ta mở “sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng” cho từng đơn vị, bộ phận sử dụng. Sổ này dùng để theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng tại đơn vị trên cơ sở các chứng từ gốc về tăng giảm TSCĐ.

2.2 Kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán.

Tại phòng kế toán, kế toán TSCĐ sử dụng thẻ TSCĐ để theo dõi chi tiết cho từng TSCĐ của doanh nghiệp, tình hình thay đổi nguyên giá và giá trị hao mòn đã trích hàng năm của từng TSCĐ. Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ.

Kế toán lập thẻ TSCĐ căn cứ vào:

- Biên bản giao nhận TSCĐ.
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Các tài liệu kỹ thuật có liên quan.

* Thẻ TSCĐ được lập một bản và lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng. Toàn bộ thẻ TSCĐ được bảo quản tập trung tại phòng thẻ, trong đó chia làm nhiều ngăn để xếp thẻ theo yêu cầu phân loại TSCĐ. . Mỗi ngăn dùng để xếp thẻ của một nhóm TSCĐ, chi tiết theo đơn vị và số liệu TSCĐ. Mỗi nhóm này được tập trung một phiếu hạch toán tăng, giảm hàng tháng trong năm. Thẻ TSCĐ sau khi tập trung xong phải được đăng ký vào sổ TSCĐ.

* Sổ TSCĐ : mỗi loại TSCĐ (nhà cửa, máy móc thiết bị ...) được mở riêng một sổ TSCĐ để theo dõi tình hình tăng, giảm, khấu hao của TSCĐ trong từng loại.

3. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ.

Kế toán tổng hợp nhằm ghi chép, phản ánh về giá trị các TSCĐ hiện có, phản ánh tình hình tăng, giảm, việc kiểm tra và giữ gìn, sử dụng, bảo quản TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới trong doanh nghiệp, tính toán, phân bổ chính xác số khấu hao TSCĐ và chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó cung cấp thông tin về vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn và TSCĐ thể hiện trong bảng cân đối kế toán cũng như căn cứ để tính hiệu quả kinh tế khi sử dụng TSCĐ đó.

3.1 Kế toán tài sản cố định hữu hình.

a. Tài khoản sử dụng.

Theo chế độ kế toán hiện hành về việc hạch toán TSCĐ hữu hình được theo dõi chủ yếu trên tài khoản: TK 211 – TSCĐ hữu hình: Tài khoản (TK) này dùng để phản ánh giá trị hiện có và biến động tăng giảm TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá. TK 211 có kết cấu như sau:

TK 211

+ Bên nợ:	+ Bên có:
<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, tặng biếu... - Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ hữu hình do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo, nâng cấp ...; - Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình do đánh giá lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh,... - Nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận; - Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ hữu hình do đánh giá lại.

+ Số dư bên nợ:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có

Tài khoản 211 có các TK cấp 2 như sau:

- TK 2111 – Nhà cửa, vật kiến trúc.
- TK 2112 – Máy móc thiết bị.
- TK 2113 – Phương tiện vận tải truyền dẫn.
- TK 2114 – Thiết bị, dụng cụ quản lý.
- TK 2115 – Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.
- TK 2118 – TSCĐ hữu hình khác.

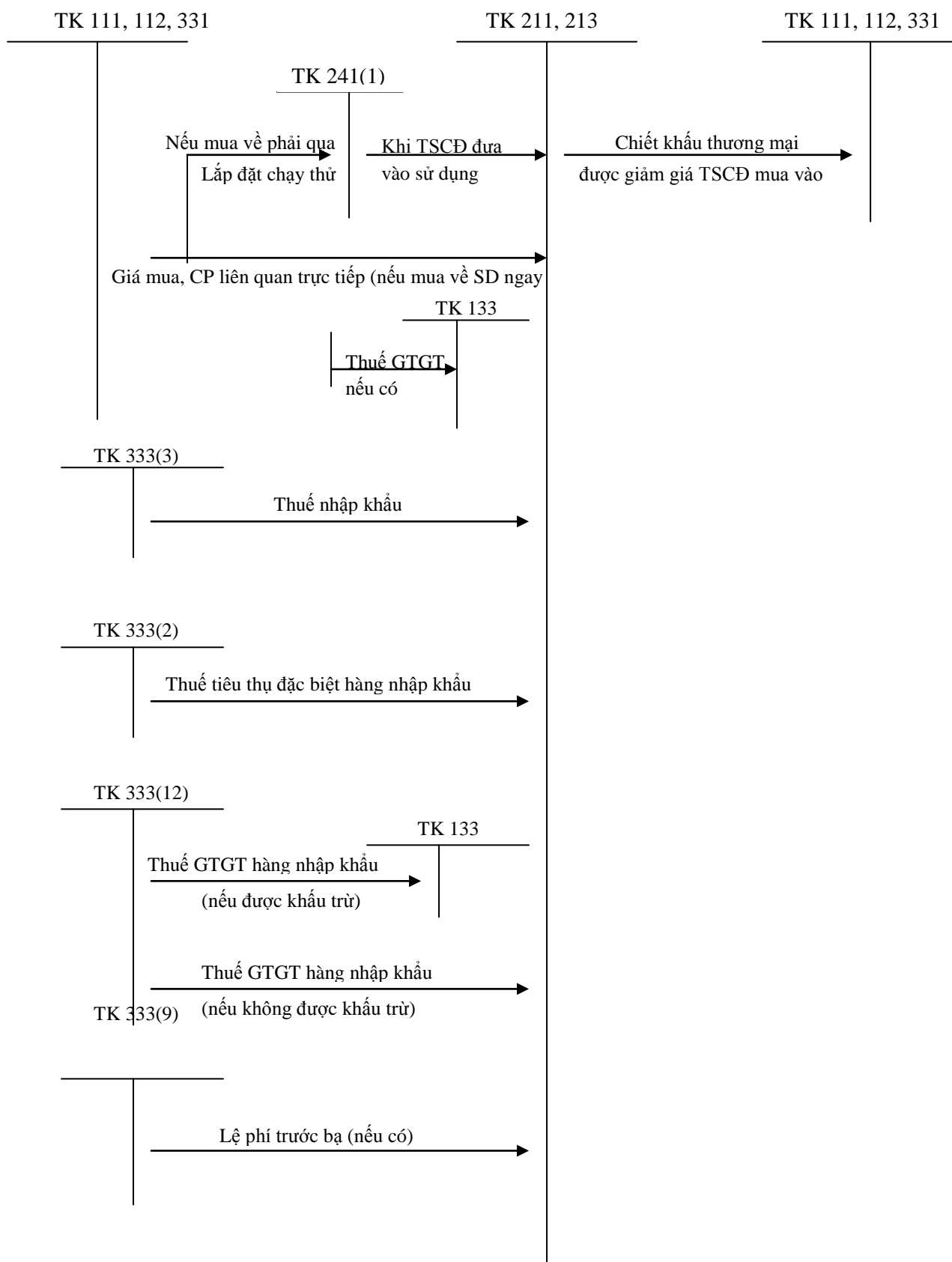
b. Trình tự kế toán tăng TSCĐ hữu hình.

Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, TSCĐ tăng lên do nhiều nguyên nhân: mua sắm trực tiếp, do nhận bàn giao công trình xây dựng cơ bản hoàn thành, nhận góp vốn liên doanh, nhận lại vốn đem đi liên doanh trước đây bằng TSCĐ, tăng TSCĐ do được cấp phát, viện trợ, biếu tặng...

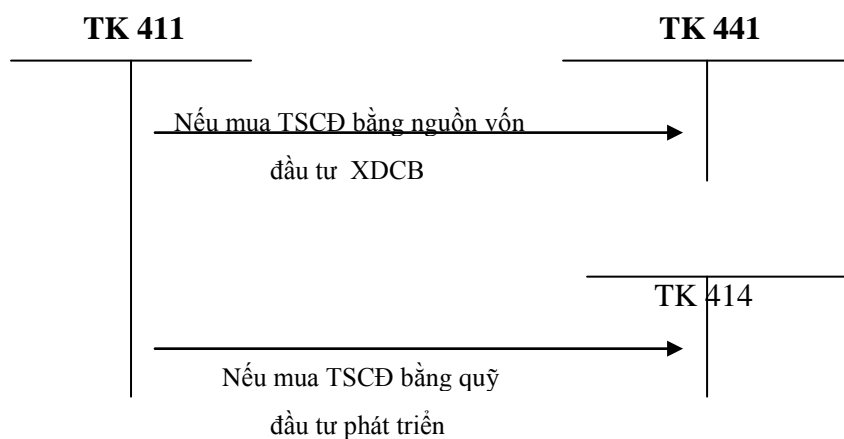
Trình tự hạch toán tăng TSCĐ được thể hiện trên sơ đồ: 01, 02, 03, 04.

SƠ ĐỒ 01: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TĂNG TSCĐ DO MUA NGOÀI DỪNG VÀO HOẠT ĐỘNG SXKD

(Đơn vị áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



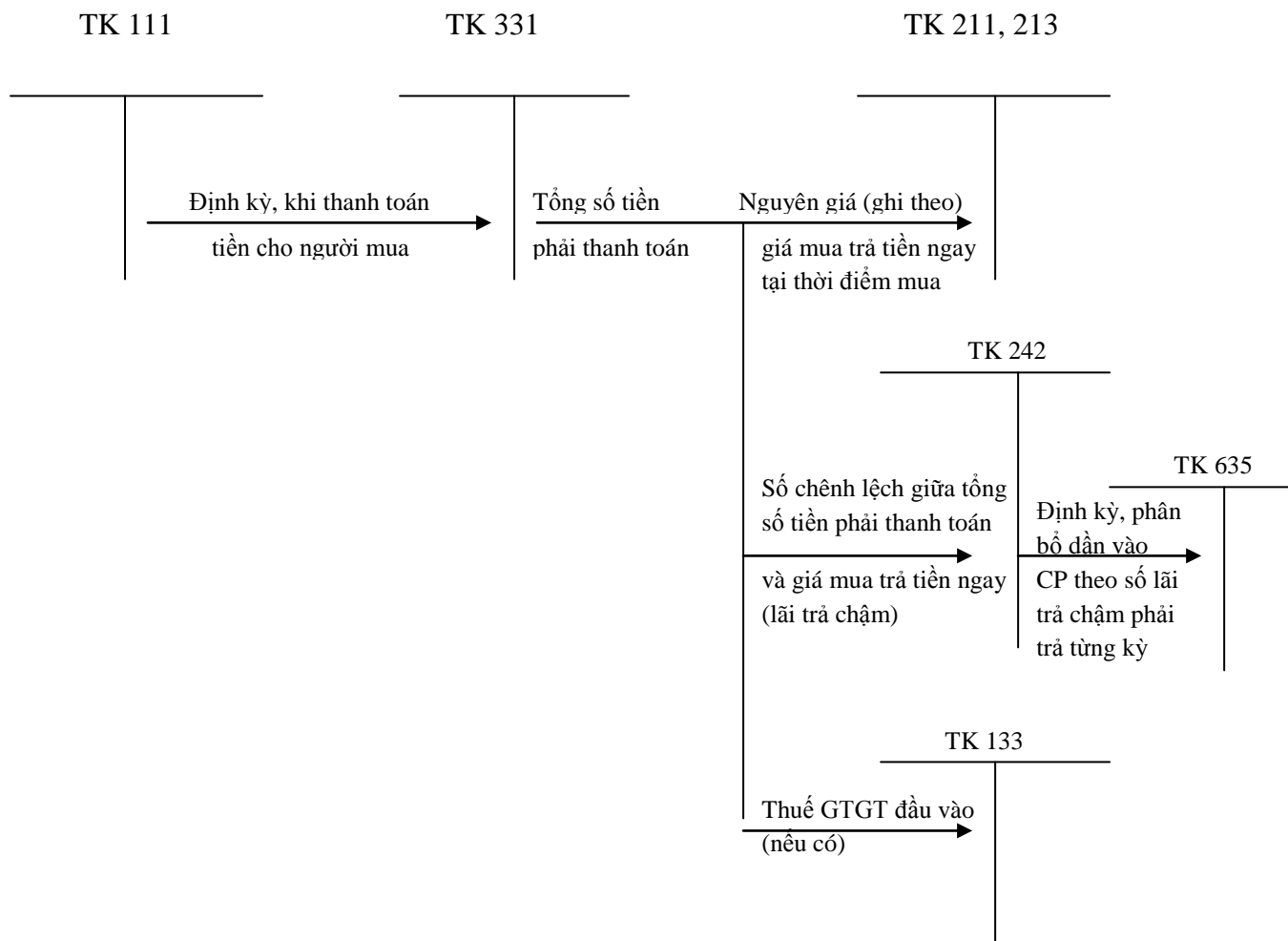
Đồng thời ghi:



SƠ ĐỒ 02:

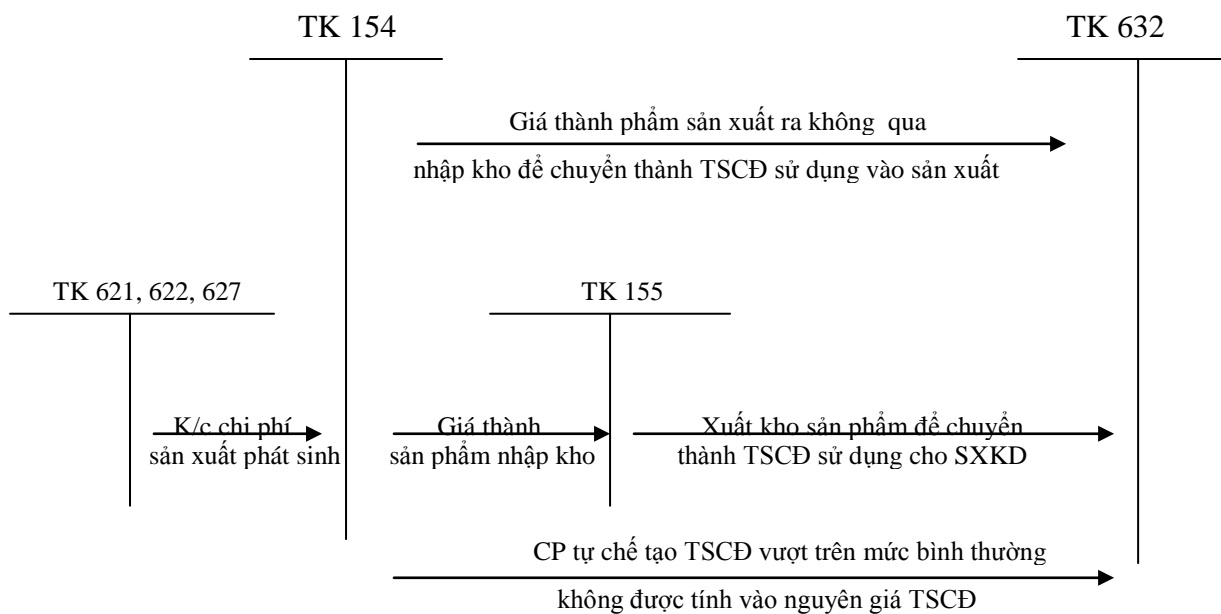
SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ MUA NGOÀI THEO PHƯƠNG THỨC

TRẢ CHẬM, TRẢ GÓP

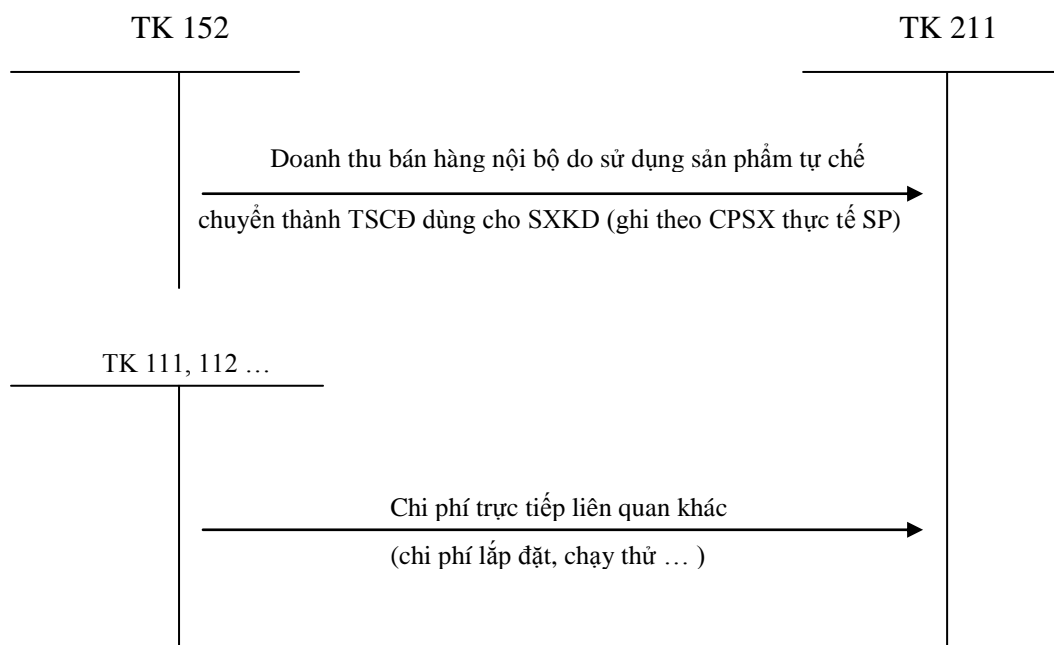


SƠ ĐỒ 03:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ HỮU HÌNH TỰ CHẾ



Đồng thời ghi:



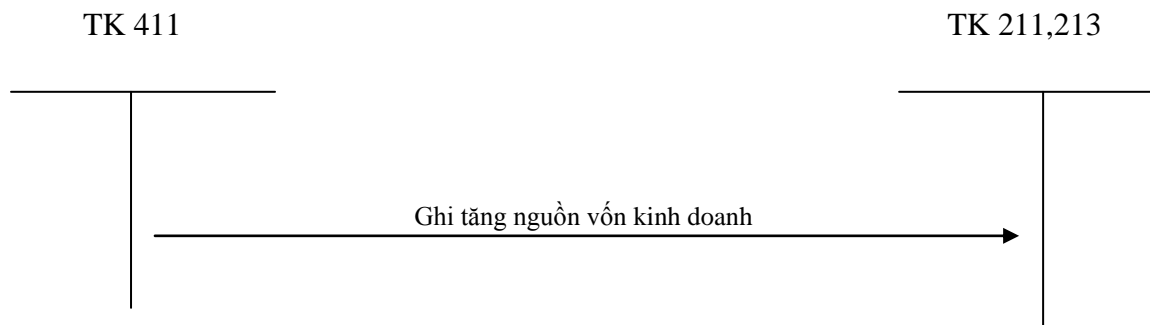
Chú ý : - Trường hợp sản phẩm sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó (giá thành phẩm) cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Chi phí tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường do sử dụng vật liệu, nhân công lãng phí không được tính vào nguyên giá TSCĐ mà phải tính vào chi phí SXKD

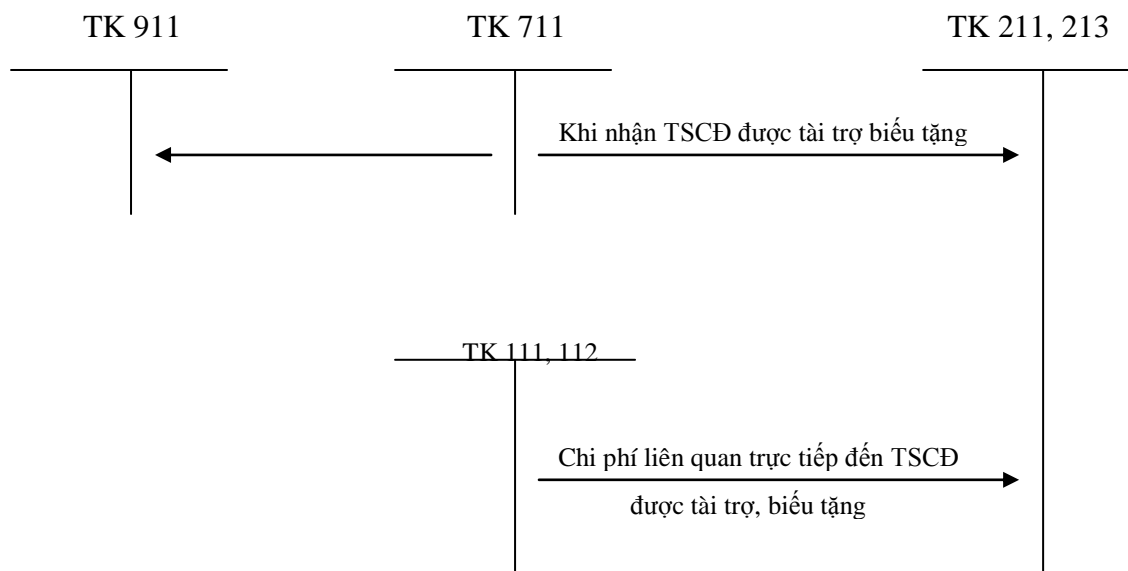
SƠ ĐỒ 04:

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC GHI TĂNG TSCĐ

a) Trường hợp hình thành TSCĐ hữu hình, vô hình từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các công ty cổ phần:



b) Trường hợp TSCĐ được viện trợ, biếu tặng



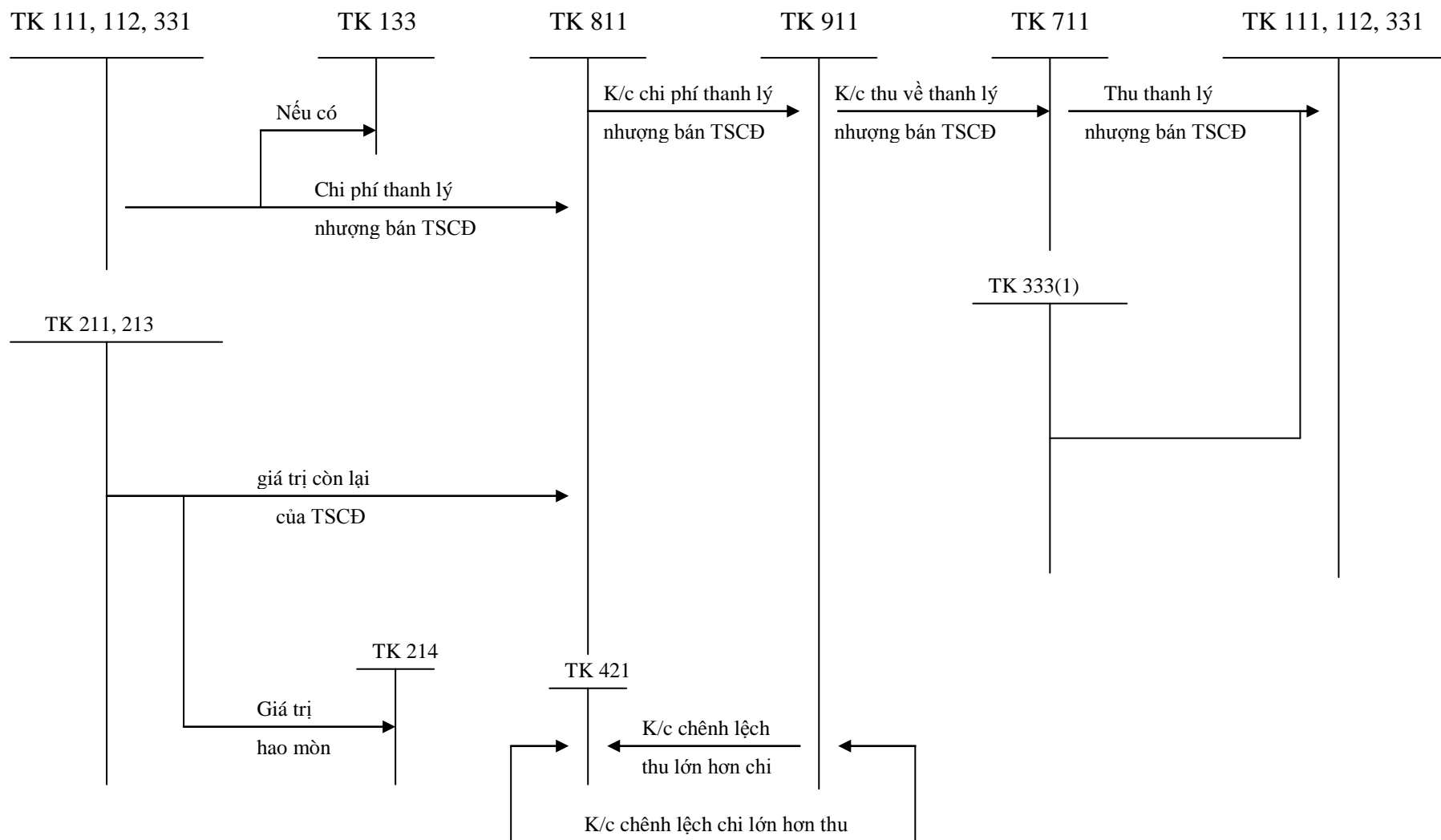
Chú ý: Trường hợp doanh nghiệp được tổ chức, cá nhân biếu tặng TSCĐ thì giá trị TSCĐ biếu tặng là thu nhập khác chịu thuế làm căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp

c. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ

TSCĐ giảm do nhiều nguyên nhân: do thanh lý, nhượng bán TSCĐ, đem TSCĐ đi góp vốn liên doanh ;...

Trong mọi trường hợp, kế toán phải thực hiện đầy đủ thủ tục, xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có). Căn cứ vào chứng từ, kế toán phải tiến hành phân loại từng TSCĐ để ghi sổ.

SƠ ĐỒ 05: HẠCH TOÁN THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN TSCĐ DÙNG VÀO HOẠT ĐỘNG SXKD
(Đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



3.2 Kế toán tài sản cố định vô hình

a. Tài khoản sử dụng.

Theo chế độ kế toán hiện hành về việc hạch toán TSCĐ vô hình theo dõi chủ yếu trên tài khoản: TK 213 – TSCĐ vô hình. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và biến động tăng giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp theo nguyên giá. TK 213 – TSCĐ vô hình có kết cấu như sau:

TK 213

<p>+ Bên nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng 	<p>+ Bên có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm
<p>+ Số dư bên nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có tại doanh nghiệp 	

Tài khoản 213 có các TK cấp 2 như sau:

- TK 2131 – Quyền sử dụng đất.
- TK 2132 – Quyền phát hành.
- TK 2133 – Bản quyền, bằng sáng chế.
- TK 2134 – Nhãn hiệu hàng hóa.
- TK 2135 – Phần mềm máy vi tính.
- TK 2136 – Giấy phép và giấy phép nhượng quyền.
- TK 2138 – TSCĐ khác.

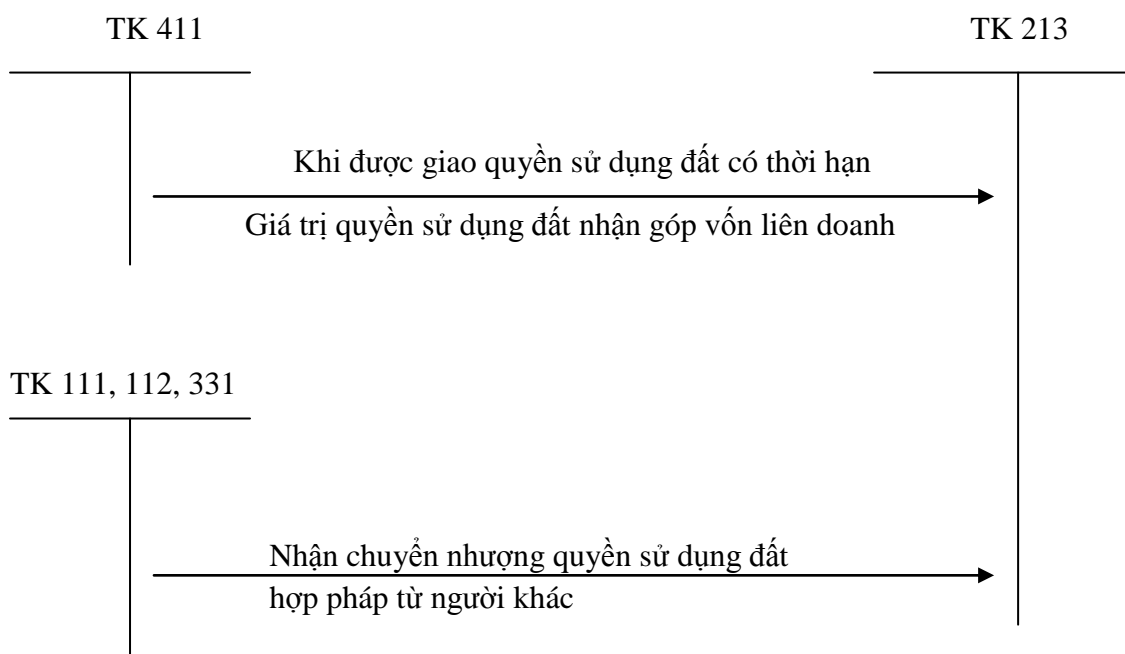
b. Trình tự kế toán tăng TSCĐ vô hình

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm tăng TSCĐ vô hình tương tự như tăng TSCĐ hữu hình như: TSCĐ vô hình tăng do mua ngoài , TSCĐ vô hình tăng do mua dưới hình thức trao đổi, ... Bên cạnh đó, TSCĐ vô hình còn được ghi tăng trong trường hợp sau:

SƠ ĐỒ 06:

**KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ VÔ HÌNH
LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN**

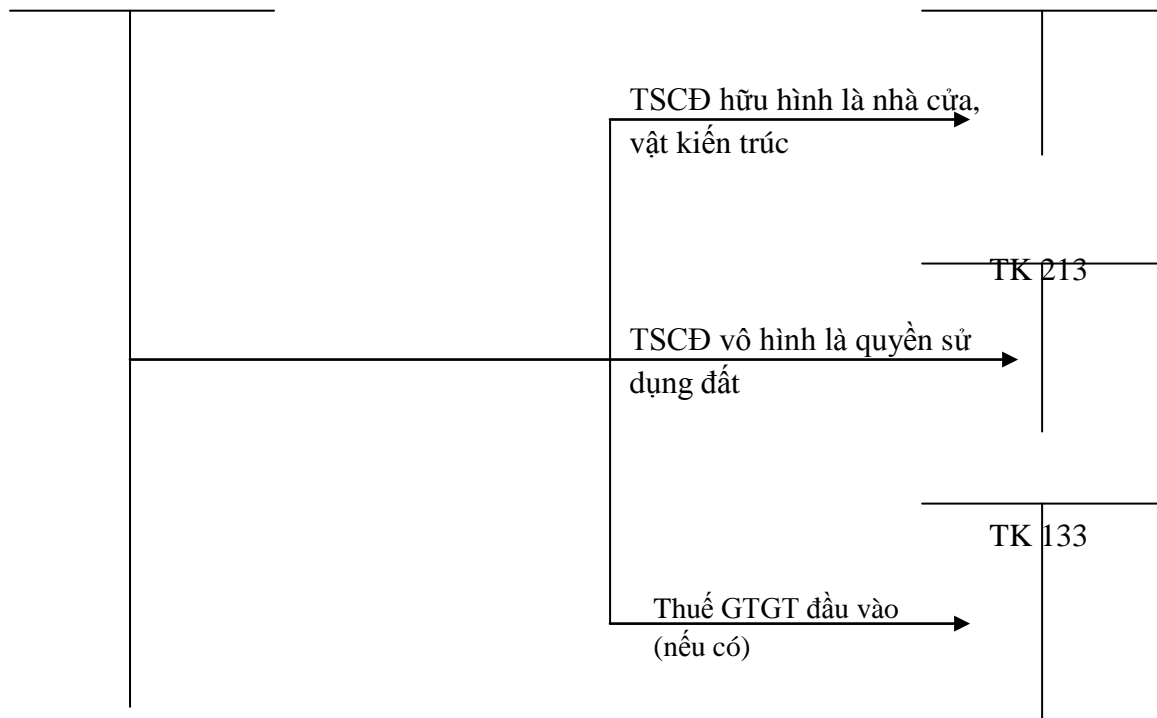
a) TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn:



b) Quyền sử dụng đất được chuyển nhượng cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất

TK 111, 112, 331 ...

TK 211

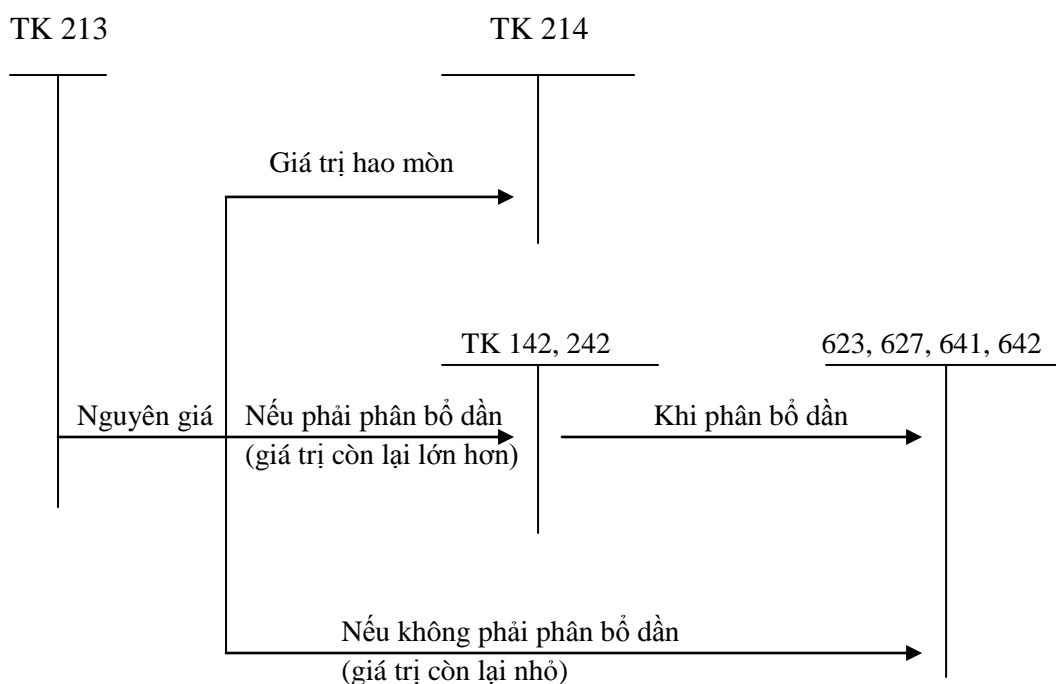


c. Trình tự kế toán giảm TSCĐ vô hình

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi giảm TSCĐ vô hình tương tự như giảm TSCĐ hữu hình như: TSCĐ vô hình giảm do thanh lý, nhượng bán, do góp vốn liên doanh... Bên cạnh đó, TSCĐ vô hình còn được ghi giảm trong trường hợp sau:

SƠ ĐỒ 07:

**KẾ TOÁN GIẢM TSCĐ VÔ HÌNH DO KHÔNG ĐỦ TIÊU CHUẨN
HOẶC XÉT THẤY KHÔNG THU ĐƯỢC LỢI ÍCH KINH TẾ TỪ
VIỆC SỬ DỤNG TIẾP THEO**



3.3 Kế toán TSCĐ thuê ngoài.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng thêm một số TSCĐ mà Doanh nghiệp không có và buộc phải thuê ngoài nếu chưa có điều kiện mua sắm, TSCĐ đi thuê thường có 2 dạng:

a. TSCĐ thuê tài chính:

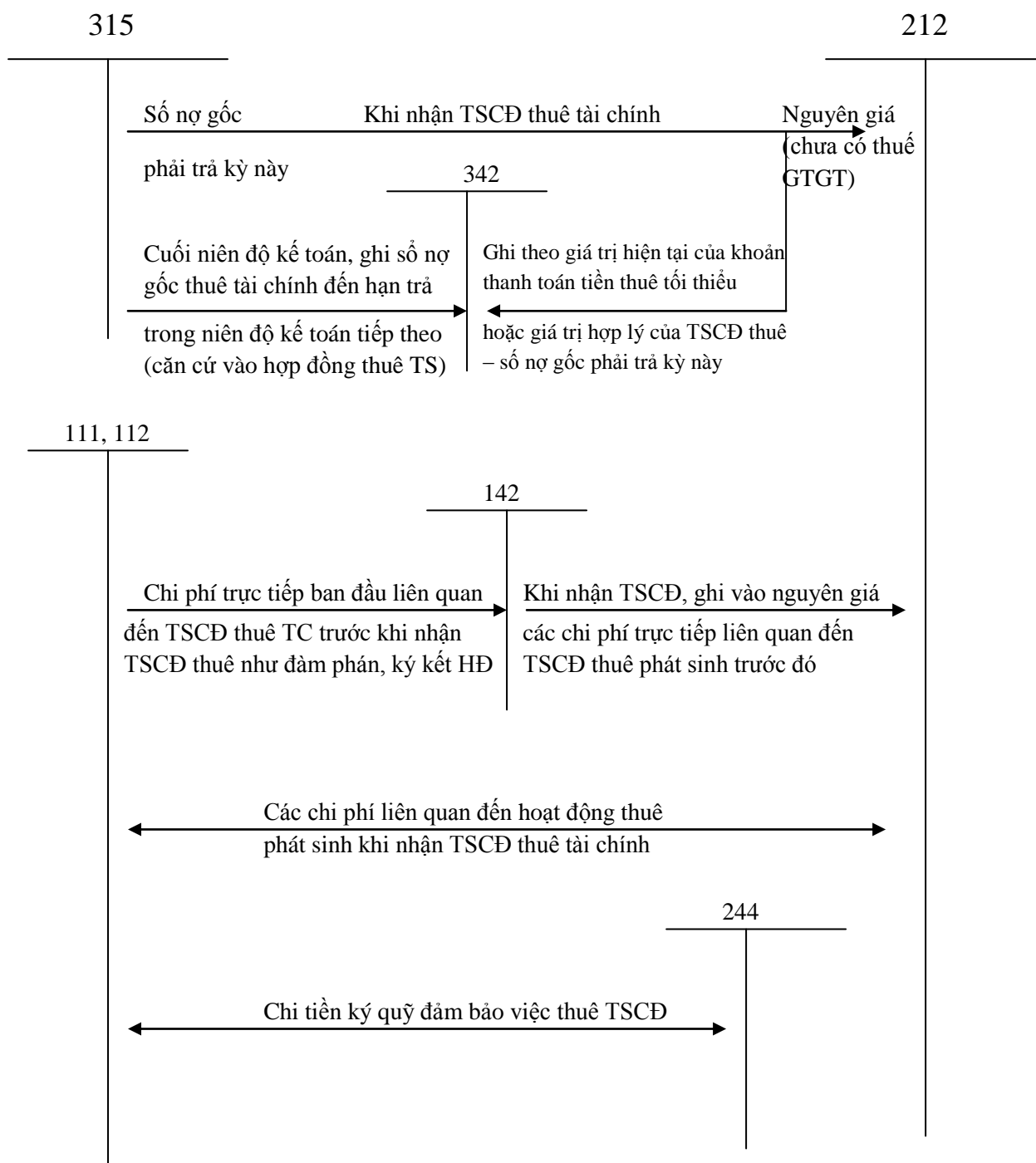
Để theo dõi tình hình thuê TSCĐ dài hạn, kế toán sử dụng tài khoản 212 – TSCĐ thuê tài chính, TK 342 – Nợ dài hạn...

TK 212 có kết cấu như sau:

- + Bên nợ: nguyên giá TSCĐ thuê tài chính tăng trong kỳ.
- + Bên có: nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm do hoàn trả lại khi kết thúc hợp đồng.
- + Số dư bên nợ: nguyên giá TSCĐ thuê tài chính hiện có tại doanh nghiệp.

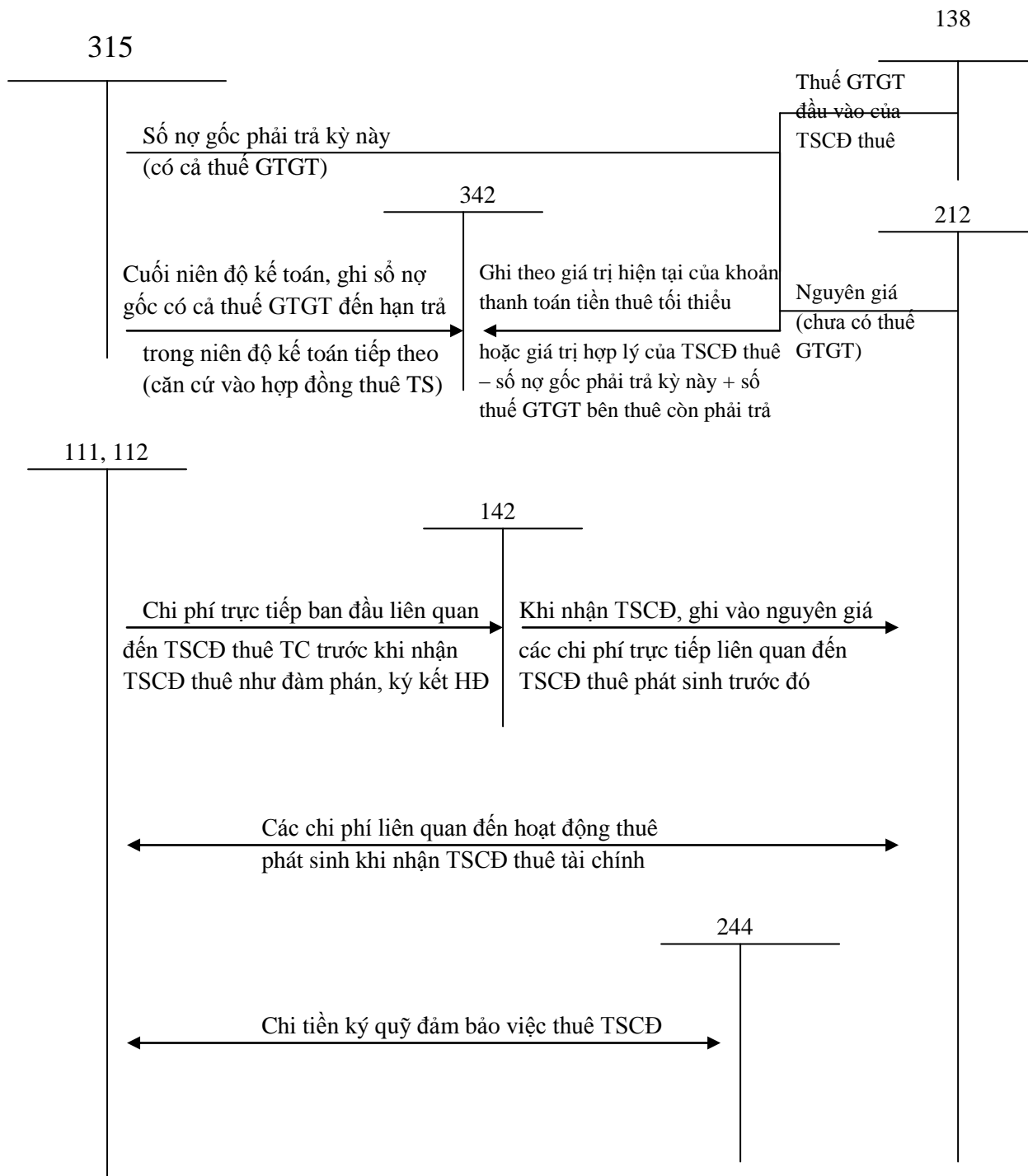
SƠ ĐỒ 08: KẾ TOÁN NHẬN THUÊ TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH

(Trường hợp nợ gốc phải trả xác định theo giá mua chưa có thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản để cho thuê)



SƠ ĐỒ 09: KẾ TOÁN NHẬN THUÊ TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH

(Trường hợp nợ gốc phải trả về thuê tài chính xác định theo giá mua có thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản để cho thuê)



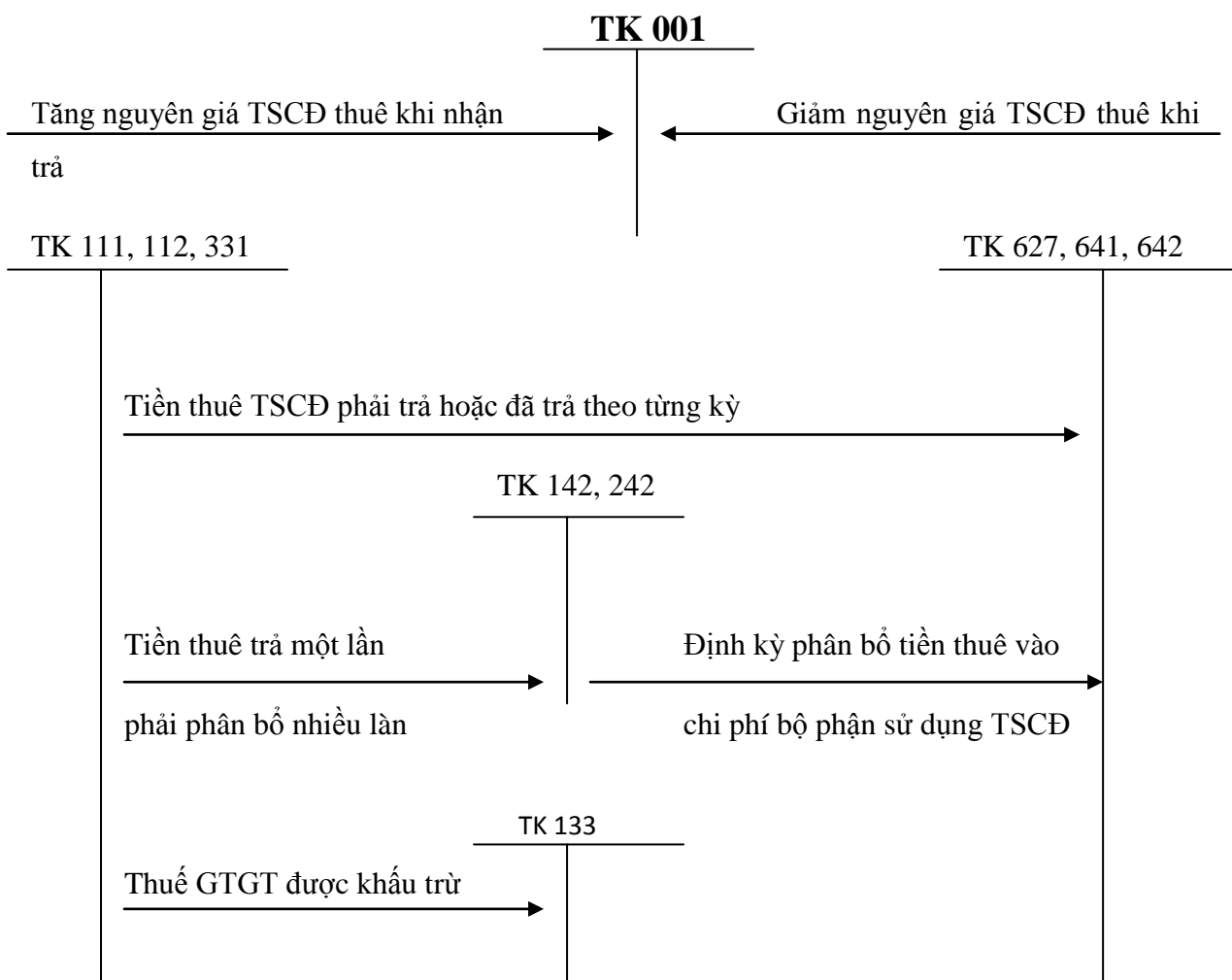
b. TSCĐ thuê hoạt động.

Khi thuê TSCĐ theo phương thức hoạt động, Doanh nghiệp cũng phải ký hợp đồng với bên cho thuê, ghi rõ TSCĐ thuê, thời gian sử dụng, giá cả, hình thức thanh toán... Doanh nghiệp phải theo dõi TSCĐ thuê hoạt động ở tài khoản ngoài bảng: TK 001 – TSCĐ thuê ngoài.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động (không bao gồm chi phí dịch vụ, bảo hiểm và bảo dưỡng) phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê TSCĐ, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp tính khác hợp lý hơn.

SƠ ĐỒ 10

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ THUÊ HOẠT ĐỘNG



3.4 Kế toán cho thuê tài sản cố định.

a. Kế toán cho thuê tài sản cố định tài chính.

Bên cho thuê phải ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản thu trên bảng cân đối kế toán bằng giá trị đầu tư thuần tròn hợp đồng cho thuê tài chính, các khoản thu về cho thuê tài chính phải được ghi nhận lại các khoản thu vốn gốc và doanh thu tài chính từ khoản đầu tư và dịch vụ của bên cho thuê.

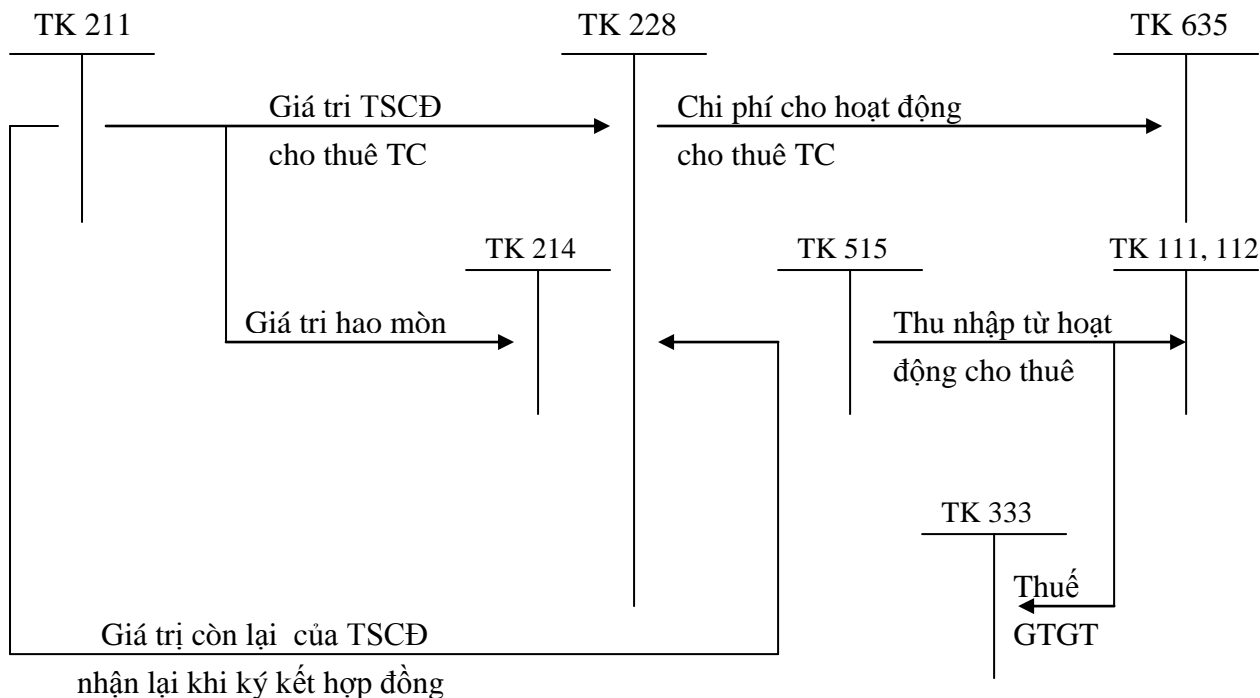
Bên cho thuê phân bổ doanh thu tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê định kỳ cố định trên số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền tài chính cho từng kỳ kế toán (không bao gồm chi phí cung cấp dịch vụ) được trừ vào đầu tư gộp để làm giảm đi số vốn gốc và doanh thu tài chính chưa thực hiện.

Các chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu tài chính như tiền hoa hồng và chi phí pháp lý phát sinh như đàm phán ký kết hợp đồng thường do bên cho thuê chi trả và được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn cho thuê tài sản phù hợp với việc ghi nhận doanh thu.

SƠ ĐỒ 11

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHO THUÊ TSCĐ TÀI CHÍNH

(Hạch toán tại bên cho thuê)



b. Kế toán cho thuê TSCĐ hoạt động.

Bên cho thuê phải ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Doanh nghiệp. Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp hợp lý hơn.

Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ phát sinh.

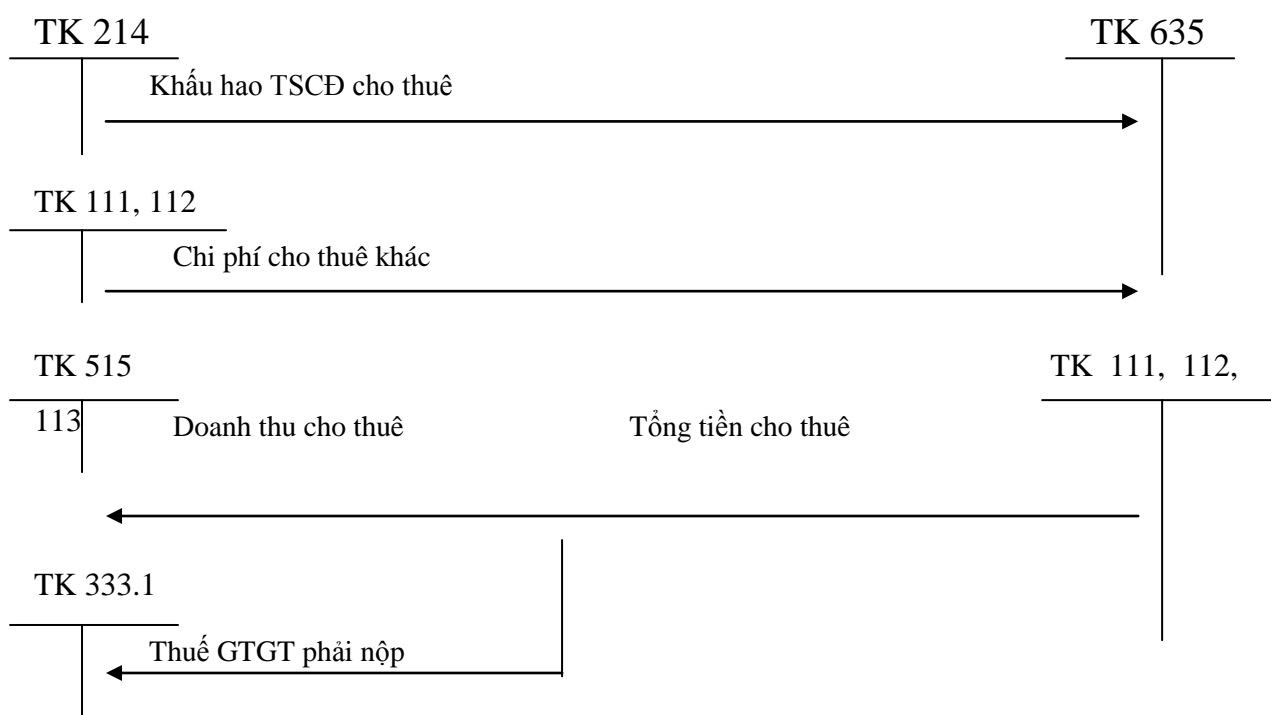
Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Khấu hao tài sản cho thuê phải dựa trên một cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự và chi phí khấu hao được tính theo quy định của chuẩn mực kế toán “ Tài sản cố định”.

Bên cho thuê là Doanh nghiệp sản xuất hay Doanh nghiệp thương mại ghi nhận doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động theo từng thời gian cho thuê.

SƠ ĐỒ 12:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHO THUÊ TSCĐ HOẠT ĐỘNG



V – KẾ TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Khái niệm về khấu hao TSCĐ

Trong quá trình sử dụng TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị hiện vật. Hao mòn TSCĐ là hiện tượng khách quan làm giảm giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ. Để thu hồi được vốn đầu tư để tái tạo lại TSCĐ khi nó bị hư hỏng nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải tiến hành trích khấu hao bằng cách tính và phản ánh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Thực chất khấu hao TSCĐ chính là sự biểu hiện bằng tiền của phần giá trị TSCĐ đã hao mòn.

Như vậy, có thể thấy khấu hao và hao mòn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có hao mòn mới dẫn tới khấu hao. Nếu hao mòn mang tính tất yếu khách quan thì khấu hao mang tính chủ quan vì do con người tạo ra và cũng do con người thực hiện. Khấu hao không phản ánh chính xác phần giá trị hao mòn của TSCĐ khi đưa vào sử dụng mà xuất hiện do mục đích, yêu cầu quản lý và sử dụng tài sản của con người.

2. Tài khoản kế toán sử dụng

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm khấu hao, kế toán sử dụng tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hao mòn của toàn bộ TSCĐ hiện có tại doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê ngắn hạn).

Tài khoản 214 có kết cấu như sau:

+ Bên nợ: giá trị hao mòn TSCĐ giảm do thanh lý TSCĐ, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

+ Bên có: giá trị hao mòn TSCĐ tăng do trích khấu hao TSCĐ.

+ Số dư bên có: giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ hiện có tại đơn vị.

TK 214 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình.

TK 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính.

TK 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình.

3. Các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định

Theo thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, có những phương pháp trích khấu hao sau:

3.1 Phương pháp khấu hao đường thẳng:

a. Nội dung của phương pháp:

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

- Xác định mức khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

b. Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

c. Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã được thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

d. Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng.

+ Cách xác định mức trích khấu hao:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T : Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định

T₁ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC.

T₂ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC.

t₁ : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

3.2 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

a. Nội dung của phương pháp:

Mức trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như:

- Xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định:

Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ tài chính.

- Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Số năm sử dụng}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Số năm sử dụng}} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{\text{Thời gian dụng của tài sản cố định}}{\text{Số năm sử dụng}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian sử dụng của tài sản cố định		Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm	$(t \leq 4 \text{ năm})$	1,5
Trên 4 đến 6 năm	$(4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm})$	2,0
Trên 6 năm	$(t > 6 \text{ năm})$	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

3.3 Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

a. Nội dung của phương pháp:

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của tài} \\ \text{sản cố định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm sản xuất} \\ \text{trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho} \\ \text{một đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho} \\ \text{một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

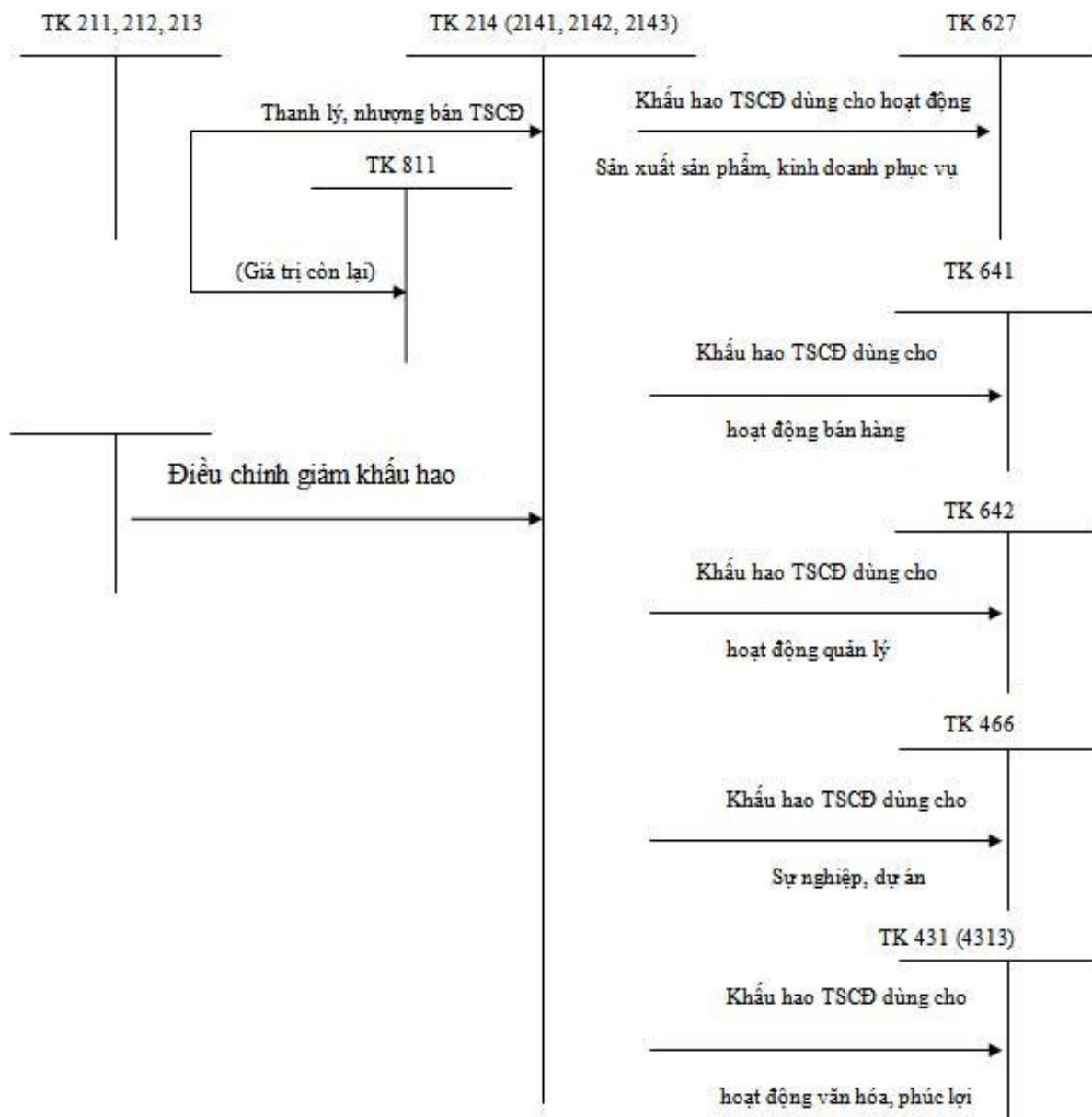
$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao năm} \\ \text{của tài sản cố định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm sản} \\ \text{xuất trong năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{quân tính cho 1 đơn vị sp} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

4. Kế toán khấu hao TSCĐ

Các nghiệp vụ kế toán khấu hao TSCĐ được phản ánh theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ 13: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



VI – KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TSCĐ được sử dụng lâu dài và được cấu thành bởi nhiều bộ phận, chi tiết khác nhau. Khi tham gia vào nhiều quá trình sản xuất kinh doanh, các bộ phận chi tiết cấu thành TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng không đều nhau. Do vậy, để khôi phục khả năng hoạt động bình thường của TSCĐ, đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cần thiết phải tiến hành sửa chữa, thay thế những bộ phận, chi tiết của TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng. Căn cứ vào mức độ hỏng hóc của TSCĐ mà doanh nghiệp chia công việc sửa chữa làm 2 loại:

Sửa chữa thường xuyên TSCĐ: là việc sửa chữa những bộ phận, chi tiết nhỏ của TSCĐ. TSCĐ không phải ngừng hoạt động để sửa chữa và chi phí sửa chữa không lớn.

Sửa chữa lớn TSCĐ: là việc sửa chữa, thay thế những bộ phận, chi tiết nhỏ của TSCĐ, nếu không sửa chữa thì TSCĐ không hoạt động được. Thời gian sửa chữa dài, chi phí sửa chữa lớn.

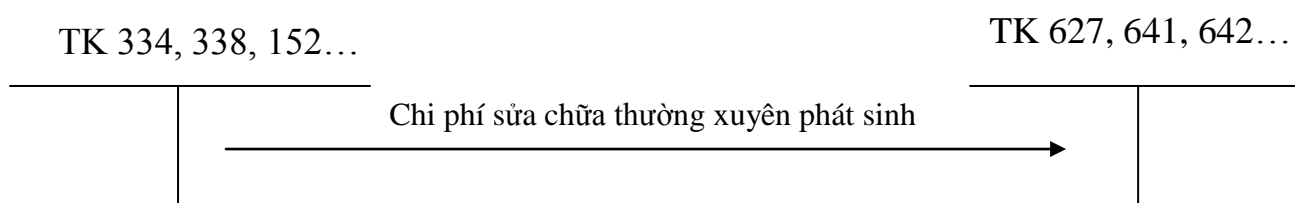
Công việc sửa chữa lớn TSCĐ có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu.

1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ.

Khối lượng công việc sửa chữa không nhiều, quy mô sửa chữa nhỏ, chi phí ít nên khi phát sinh được tập hợp trực tiếp vào cho phí kinh doanh của bộ phận sử dụng TSCĐ được sửa chữa.

SƠ ĐỒ 14:

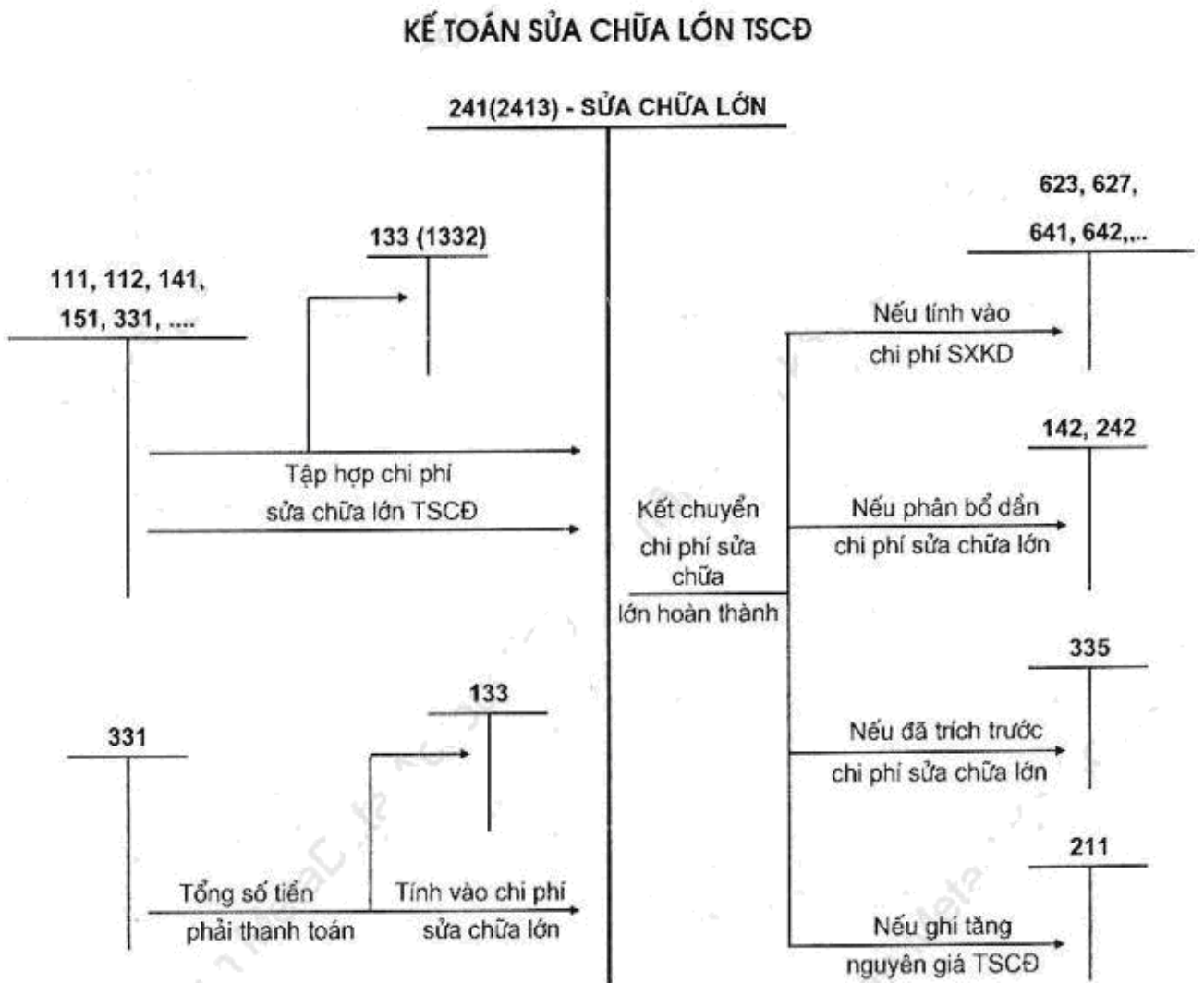
SƠ ĐỒ KẾ TOÁN SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN TSCĐ



2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.

Sửa chữa lớn TSCĐ là loại hình sửa chữa có mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ ngừng hoạt động, chi phí sửa chữa phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng. Do đó, kế toán tiến hành trích trước vào chi phí sản xuất đều đặn hàng tháng.

Sơ đồ 15



VII – CÔNG TÁC KẾ TOÁN KIỂM KÊ ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Mọi trường hợp phát hiện thừa hoặc thiếu TSCĐ đều phải truy tìm nguyên nhân. Căn cứ vào biên bản kiểm kê TSCĐ và kết luận của hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác, kịp thời theo từng nguyên nhân cụ thể.

+ Phát hiện thừa

- Nếu TSCĐ thừa do chưa ghi sổ, kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ tùy theo từng trường hợp cụ thể.

+ Phát hiện thiếu

- TSCĐ phát hiện thiếu trong kiểm kê phải được truy cứu nguyên nhân xác định người chịu trách nhiệm và xử lý đúng theo quy định hiện hành của chế độ tài chính tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Doanh nghiệp phải đánh giá lại TSCĐ theo mặt bằng giá của thời điểm đánh giá lại theo quyết định của Nhà nước. Khi đánh giá lại TSCĐ hiện có, Doanh nghiệp phải thành lập hội đồng đánh giá lại TSCĐ, đồng thời phải xác định nguyên giá mới, giá trị hao mòn phải điều chỉnh tăng (giảm) so với sổ kế toán được làm căn cứ để ghi sổ. Chứng từ kế toán đánh giá lại TSCĐ là biên bản kiểm kê và đánh giá lại TSCĐ.

PHẦN II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

I – LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

1/ Giới thiệu chung:

Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng trực thuộc Sở Giao thông công chính Hải Phòng là một doanh nghiệp cổ phần chuyên kinh doanh dịch vụ vận tải liên tỉnh và nội tỉnh; hợp đồng du lịch lữ hành nội địa với tất cả các tổ chức và cá nhân ; kinh doanh xăng, dầu, gas, vật tư phụ tùng ô tô và phương tiện vận tải; dịch vụ sửa chữa, lắp đặt điện lạnh ô tô các loại

Lúc mới thành lập Công ty với tên gọi là : “ Xí nghiệp hợp doanh ” . Từ khi thành lập Xí nghiệp đã đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân trong thành phố cũng như cung cấp các dịch vụ vận tải liên tỉnh.

Cuối năm 1990, Quốc Hội thông qua Luật Công ty, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 391 – QĐ/UB “Về việc tách Xí nghiệp hợp doanh ra khỏi Công ty xe khách Hải Phòng để làm thí điểm Công ty cổ phần cho Thành phố”. Ngày 01/04/1991 Công ty chính thức được thành lập và lấy tên là: “**Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng**”.

Trụ sở Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng : Số 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – Hải Phòng

Tài khoản số: 102010000207803 tại Ngân hàng công thương Lê Chân

Hải Phòng

Sau 7 năm làm thí điểm cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước, ngày 08/09/1997 Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng đã có quyết định số: 1547/QĐ-UB “ Về việc công nhận Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng đã hoàn chỉnh việc làm thí điểm cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước “, và chính thức chuyển Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng sang hoạt động theo Luật Công ty. Đồng thời cho phép Công ty phát hành 18.317 cổ phần, với mệnh giá 1 cổ phần = 100.000 VNĐ, Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng đã tiến hành Đại hội cổ đông lần thứ 2, thông qua điều lệ hoạt động của Công ty và bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Luật.

+ Hội đồng quản trị Công ty gồm 7 thành viên : 3 thành viên đại diện cho vốn của Nhà nước và 4 thành viên đại diện cho vốn của Cổ đông

+ Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên đều là cổ đông thường trong Công ty.

+ Công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu đợt 1 gồm: 18.317 cổ phần

Trong đó: Nhà nước có = 722 cổ phần

Các cổ đông có = 17.595 cổ phần

+ Cổ phần của các ủy viên Hội đồng quản trị là các cổ phần có ghi danh và không được tự do nhượng bán.

+ Cổ phần của cá cổ đông thường là các cổ phần không ghi danh và được tự do chuyển nhượng.

- Từ đó đến nay, qua các năm sản xuất kinh doanh mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng đã vượt qua và kinh doanh ngày càng ổn định, phát triển. Luôn hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, kế hoạch hàng năm đều cao hơn trước từ 5% đến 10%, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Qua hơn 10 năm hoạt động vừa phải đảm bảo sản xuất kinh doanh để tồn tại Công ty vừa phải mò mẫm làm thì điểm loại hình Doanh nghiệp mới cho Nhà nước, Công ty cổ phần ô tô khách Hải phòng đã tự khẳng định được mình là Doanh nghiệp có mô hình quản lý hoàn toàn mới của nước ta. Nó được hình thành lên và trưởng thành cùng với sự bùng ra của thị trường. Từ đó Nhà nước đã không ngừng hoàn thiện các cơ chế, chính sách, biện pháp, nội dung và chỉ đạo Doanh nghiệp Nhà nước khác tiến hành cổ phần hóa, nhằm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nhanh chóng hòa nhập nền kinh tế khu vực và Quốc tế. Giảm gánh nặng cho Nhà nước trong việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh nhất là khâu đầu tư vốn. Công ty cũng đang rất cần sự quan tâm, chỉ đạo cụ thể hơn nữa của các cấp có thẩm quyền, để giúp Công ty sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển và tiến tới có đủ điều kiện để tham gia vào thị trường chứng khoán, một thị trường hoàn toàn mới mở ở Việt Nam.

+ Tổng số vốn Điều lệ của Công ty đến nay: 4.939.976.000 đồng

Trong đó: - Vốn cổ phần phổ thông là: 1.482.629.000 đồng

- Vốn Nhà nước: 722.300.000 đồng

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại: 2.734.984.000 đồng

+ Tổng số cán bộ công nhân viên hiện nay: 175 người

- Trong đó: + Đại học: 11 người

+ Trung cấp: 6 người

+ Công nhân bậc cao: 62 người

+ Lao động phổ thông: 96 người

- Tổng số phương tiện (xe chở khách): 60 chiếc

+ Bao gồm các loại xe từ 24 đến 50 ghế ngồi, đảm bảo đủ điều kiện phục vụ hành khách theo Nghị định 92/CP của Chính phủ (xe chất lượng cao, có máy điều hòa nhiệt độ...)

+ Với nhiều chủng loại xe nhập ngoại, đóng mới trong nước như: Xe Hyundai, Asia Cosmos, Hino, FB 500, Nadibus...

2/ Quy trình sản xuất của Công ty

- Cũng như các Doanh nghiệp sản xuất khác, quá trình sản xuất của Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng cũng có đầy đủ 3 yếu tố cơ bản đó là:

+ Sức lao động: (con người lao động) Đó là cán bộ, công nhân viên trong công ty bao gồm khối hành chính (các Phòng, Ban), khối vận tải (lái + phụ xe), khối sản xuất công nghiệp (xưởng sửa chữa).

+ Công cụ lao động: Đó là các loại phương tiện vận tải hành khách, máy móc thiết bị.

+ Đối tượng lao động: Hành khách vận chuyển

- Vận tải hành khách bằng ô tô có những đặc thù riêng mà các ngành sản xuất khác không có đó là:

+ Sản phẩm: Người vận chuyển và Người.km.

+ Giá trị sử dụng: Là sự di chuyển hành khách theo ý muốn của mọi người

+ Đối tượng lao động trong quá trình sản xuất không thay đổi về hình dáng kích thước và tính chất hóa học, vật lý.

+ Trong quá trình sản xuất không có nguyên vật liệu chính vì sản phẩm vận tải là Người.km. Nó không tồn tại dưới hình thức hiện vật.

+ Địa bàn phân tán phức tạp với 20 tuyến đường liên tỉnh và nội tỉnh, tuyến gần nhất có cự ly 15 Km, xa nhất là 500 Km.

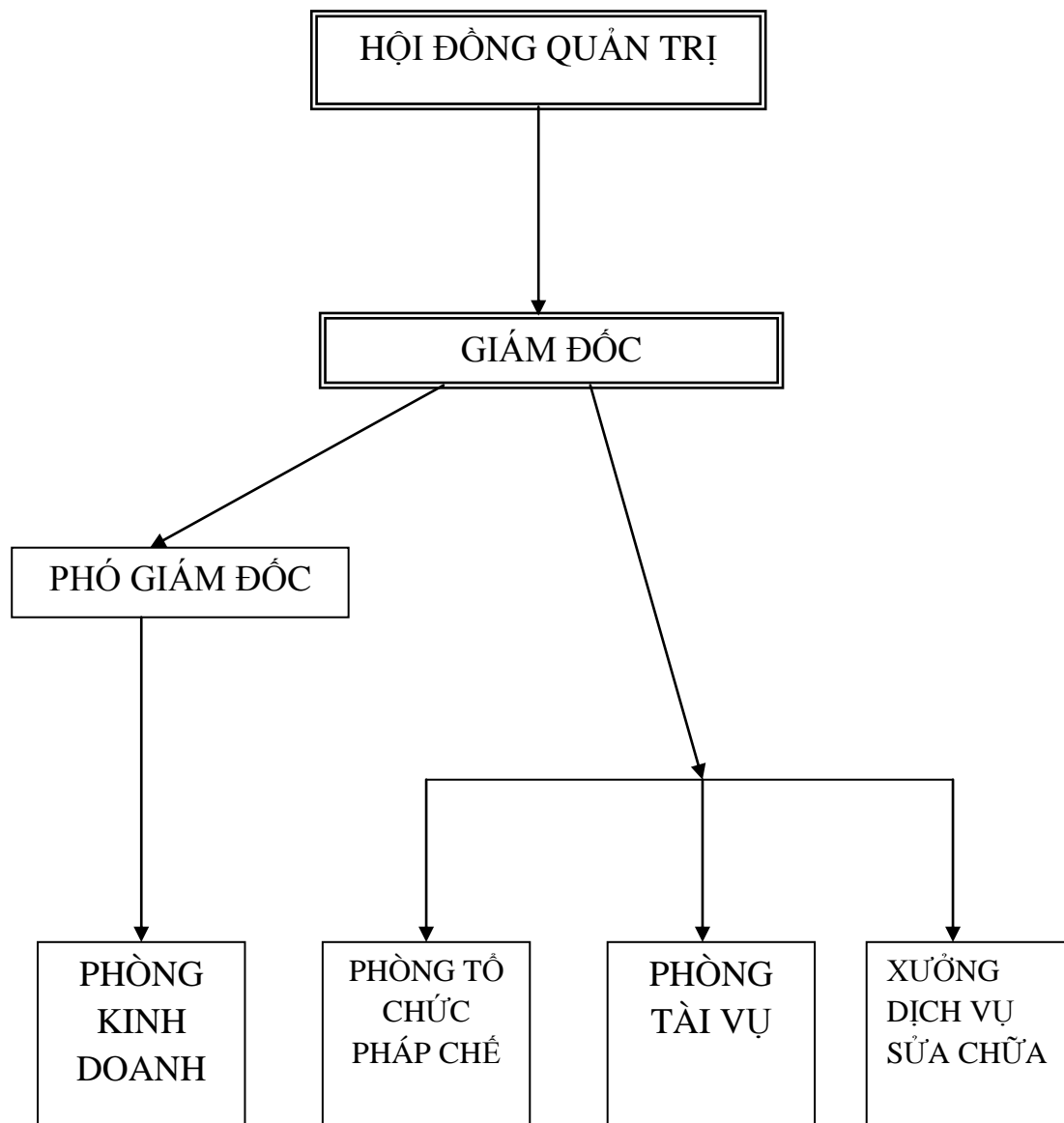
+ Quá trình sản xuất diễn ra từ đầu Bến này đến đầu Bến kia là kết thúc 1 ngày xe doanh vận

Tức là quá trình sản xuất chính được tiến hành bên ngoài Công ty, mà chỉ kết thúc một vòng xe thì phương tiện mới trở về Công ty.

3/ Tổ chức bộ máy quản lý:

Là Công ty cổ phần có sự đóng góp vốn của 135 cổ đông, bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình sau:

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng



* Nhìn qua mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng so với mô hình tổ chức bộ máy quản lý các Doanh Nghiệp Nhà nước cho ta thấy sự dân chủ trong quản lý kinh tế được nâng cao. Ở Doanh nghiệp Nhà nước do vốn hoàn toàn của Nhà nước, nếu làm ăn thua lỗ thì Nhà nước chịu. Nhưng ở Công ty cổ phần vốn là của chung, lợi cùng hưởng, lỗ cùng chịu do vậy quyền làm chủ của từng người tham gia được đề cao và có trách nhiệm hơn.

Thứ hai là: Bộ máy điều hành Công ty thực sự phải mang tinh thần trách nhiệm trong công tác, nhiệm vụ của mình, có đầy đủ tính nhiệm thì mới được bầu và bổ nhiệm vào các vị trí chủ chốt trong Công ty, nếu không sau hay năm không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị miễn nhiệm. Điều đó đã hạn chế rất nhiều những hiện tượng tiêu cực trong công tác quản lý cán bộ, công nhân viên.

* Chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty:

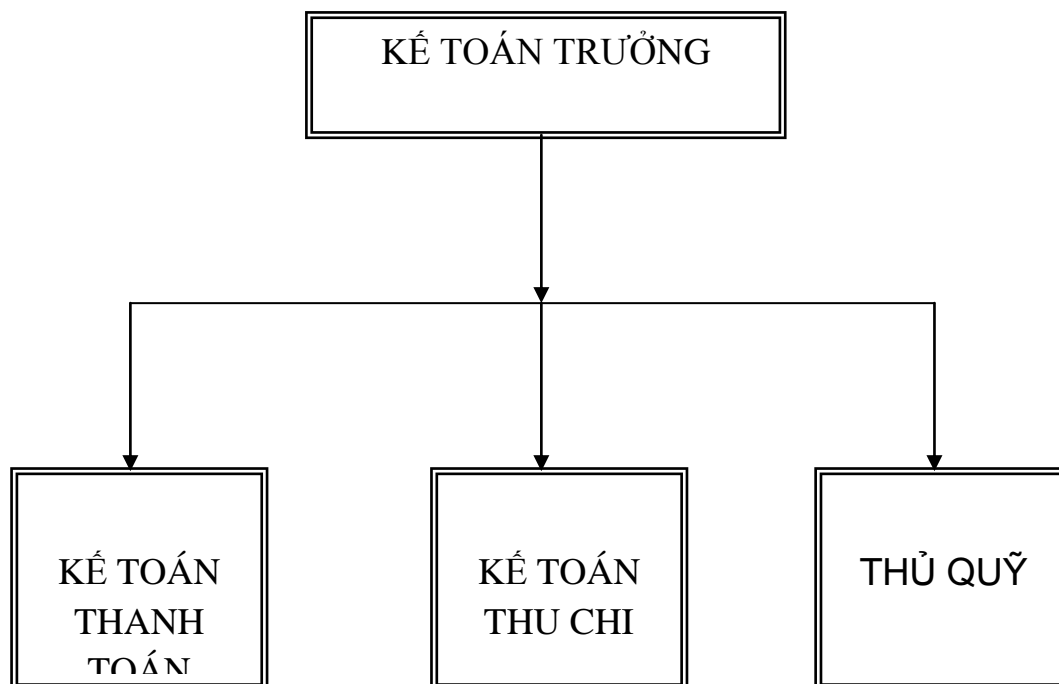
+ Giữ vững và ổn định thị trường hiện có, tăng cường công tác quản lý điều hành, mở rộng thêm luồng tuyến mới, từng bước đổi mới mọi mặt và ngày càng phát triển.

+ Tiếp tục bằng mọi hình thức huy động vốn cổ đông mua sắm phương tiện, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước và của các cổ đông, mở rộng liên doanh liên kết với các thanh phần kinh tế khác, nhằm tăng cường năng lực sản xuất.

+ Duy trì củng cố Trạm dịch vụ sửa chữa ô tô và các dịch vụ khác, tận dụng lợi thế mặt bằng của công ty tăng cường mở rộng thêm các dịch vụ khác để giải quyết việc làm cho người lao động. Tăng cường công tác kiểm tra đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, trật tự xã hội, phòng chống cháy nổ trong khu vực công ty.

4/ Tổ chức công tác kế toán:

SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN



* Phòng tài vụ: Tổng hợp toàn bộ việc hạch toán của Công ty, Kế toán Xưởng dịch vụ sửa chữa có trách nhiệm theo dõi tập hợp các chi phí giá thành sửa chữa, doanh thu Xưởng gửi về Phòng Tài vụ Công ty

* Kế toán thanh toán: lái phụ xe hàng tháng về nộp lệnh, kế toán thanh toán có nhiệm vụ tính doanh thu, các khoản khấu trừ cho lái xe qua doanh thu như: Tiền lương, nguyên vật liệu, sảm lốp, hoàn trả vốn, khấu hao cho cổ đông, hoàn trả lãi cho cổ đông.

* Kế toán thu chi: Theo dõi tiền mặt và Ngân hàng, làm báo cáo giá thành

* Kế toán thu ngân (thủ quỹ): Thu tiền của lái phụ xe và làm kế toán chi tiết các tài khoản, công nợ.

* Kế toán trưởng phụ trách chung, chỉ đạo công tác hạch toán theo chế độ quy định

Hình thức kế toán áp dụng:

- Phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trình độ kế toán và yêu cầu kế toán tổng hợp chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ là: Căn cứ trực tiếp ghi sổ, kế toán tổng hợp chứng từ ghi sổ

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Hình thức tổ chức công tác kế toán là tập trung:

+ Tập trung tổng hợp sổ sách kế toán

+ Lập báo cáo kế toán toàn doanh nghiệp

- Các loại sổ sách kế toán chủ yếu:

+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái

+ Sổ quỹ

+ Các sổ kế toán chi tiết

- Trình tự ghi chép:

Hàng ngày hoặc định kỳ kế toán căn cứ chứng từ kế toán đã kiểm tra để lập chứng từ ghi sổ hoặc căn cứ các chứng từ kế toán đã được kiểm tra và phân loại để lập bảng tổng hợp, chứng từ kế toán theo từng loại nghiệp vụ. Trên cơ sở số liệu của bảng tổng hợp chứng từ kế toán để lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong, chuyển cho kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán duyệt, rồi chuyển cho kế toán tổng hợp đăng ký vào sổ để ghi sổ và ngày vào chứng từ ghi sổ.

Sau khi phản ánh tất cả chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng vào sổ cái, Kế toán trưởng tiến hành cộng sổ phát sinh nợ, sổ phát sinh có và sổ dư cuối tháng của từng tài khoản. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái được sử dụng lập bảng cân đối.

II - CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

1. Tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ tại Công ty

Với chức năng nhiệm vụ là kinh doanh vận tải hành khách nên TSCĐ chủ yếu ở đây là các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, sân bãi...

Với nguồn vốn tự có từ khi mới thành lập, Công ty luôn quan tâm tới việc đầu tư trang phương tiện hiện đại, phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nên TSCĐ trong Công ty tương đối đầy đủ về số lượng và chất lượng .

Do khối lượng công việc, các nhu cầu của người dân nhiều, Công ty phải trang bị thêm phương tiện bằng nguồn vốn liên doanh liên kết, thuê tài chính hay nguồn vốn khác .

Với tình hình trên , TSCĐ của Công ty phải được quản lý chặt chẽ cả về mặt giá trị và mặt hiện vật. việc quản lý chặt chẽ đảm bảo cho yêu cầu kinh doanh và phục vụ của toàn Công ty được liên tục và đạt hiệu quả cao .

2. Phân loại tài sản tại công ty

- + Phương tiện vận tải (Ô tô khách)
- + Phương tiện phục vụ cho quản lý doanh nghiệp (máy tính)
- * Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty thống nhất hạch toán tập trung tại phòng kế toán công ty. Với phương châm dễ làm, dễ hiểu, dễ kiểm tra công ty lựa chọn áp dụng hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ ”.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc được tập hợp vào bảng tổng hợp phân loại chứng từ, lập chứng từ ghi sổ, vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết .

Công ty mở các loại sổ tổng hợp : Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ , Sổ cái, sổ kế toán chi tiết : Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng , Sổ chi tiết các tài khoản : TK 138, 331, 333, 338, 141, 142 ...

3. Kế toán chi tiết TSCĐ tại công ty

Việc hạch toán chi tiết tăng hoặc giảm và trích khấu hao TSCĐ tại công ty được thực hiện trên hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết tương đối đầy đủ và đúng trình tự. Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được phản ánh kịp thời trên cơ sở các chứng từ gốc hợp lệ hợp lý và hợp pháp. Công ty thực hiện lập hệ thống sổ chi tiết TSCĐ theo hình thức tờ rời . Công ty có nhiều loại chứng từ phù hợp, tạo điều kiện cho công tác quản lý.

3.1. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ tại Công ty

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ, Phiếu chi
- Thẻ TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

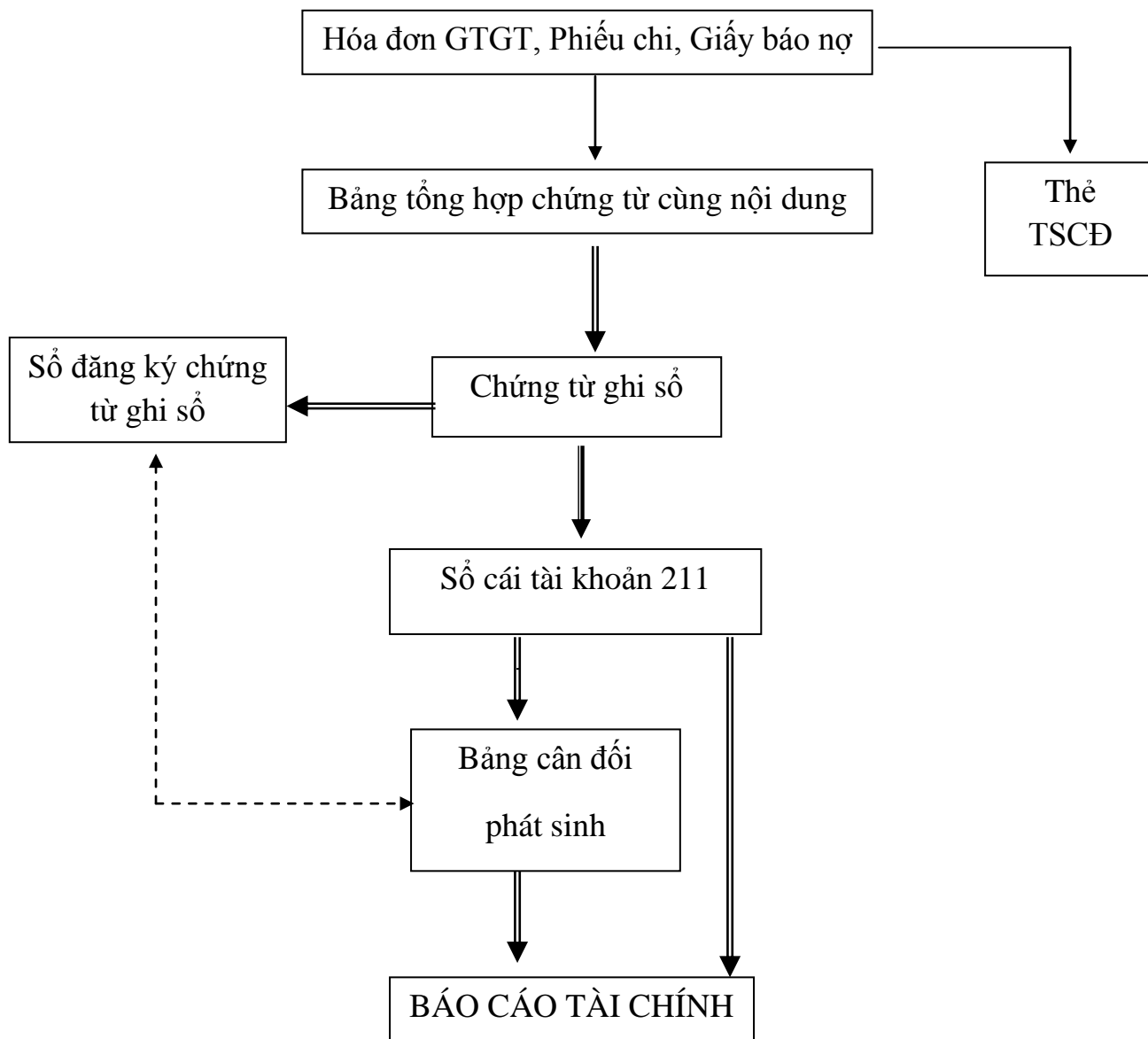
*** Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 211: Tài sản cố định hữu hình

- Các tài khoản khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán ghi tăng TSCĐ



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kì
- ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: Ngày 15/07/2012 công ty mua 3 xe ô tô khách phục vụ cho việc vận tải hành khách đưa vào sử dụng.

Khi mua nhận được hóa đơn GTGT

Kế toán ghi: Nợ TK 211: 2.597.397.000

Nợ TK 133: 259.739.700

Có TK 111: 2.857.136.700

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 15 tháng 07 năm 2012

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Kí hiệu: AB/12P

Số: 0074311

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV ô tô 1-5

Địa chỉ: Tổ 53, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

Số tài khoản: 0400835148

Điện thoại: 04.8011444

MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản: 102010000207803

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MS: 0200383487

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đ.vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
2	3 xe Ô tô khách	Chiếc	3	865.799.000	2.597.397.000

Cộng tiền hàng: 2.597.397.000

Thuế suất GTGT: 10% tiền thuế GTGT: 259.739.700

Tổng cộng thanh toán: 2.857.136.700

Số tiền viết bằng chữ: Hai tỉ tám trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

THẺ TSCĐ số 142

Ngày lập thẻ 15/07/2012

Căn cứ vào HĐ số 0074311 ngày 15 tháng 07 năm 2012

Tên ký hiệu quy cách TSCĐ: Ô tô khách 39 chỗ ngồi

Nước sản xuất: Hàn Quốc

Bộ phận đưa vào sử dụng:

Năm đưa vào sử dụng: 2012

Công suất(diện tích thiết kế): 10240x2500x3265

Đình chỉ sử dụng TSCĐ Ngàytháng năm.....

Lý do đình chỉ.....

ĐVT: đồng

Chứng từ		Ghi tăng TSCĐ	Giá trị hao mòn			
SH	N-T	Diễn giải	Nguyên giá	Năm 2012	Hao mòn	Tổng
0074311	15/07/2012	Mua 03 xe ô tô	2.597.397.000			

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số :Ngàytháng năm.....

Lý do giảm

Ngày 15 tháng 07 năm 2012.

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty cổ phần Ô tô khách

Hải Phòng

Số 279 Trần Nguyên Hãn

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 02/07

Nội dung: Chi tiền mặt

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111, Ghi Nợ các TK					Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		211	641	642	133	...	
...
PC 26/07	15/07	Chi tiền mua TSCĐ	2.597.397.000			259.739.700		2.857.136.700
...
PC 46/07	31/07	Chi trả tiền điện thoại tháng 07		302.523		30.252		332.775
PC 47/07	31/07	Thanh toán tiền chi phí hội nghị			1.500.000			1.500.000
...
PC 50/07	31/07	Chi trả tiền điện thoại tháng 07			1.027.776	102.778		1.130.554
...
		Cộng	2.597.397.000	26.358.998	22.356.859	815.668.654	...	7.995.658.115

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02a - DN

Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	
Chi tiền mua TSCĐ	211	111	2.597.397.000	
Chi phí bán hàng	641	111	26.358.998	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	22.356.859	
Thuế gtgt được khấu trừ	133	111	815.668.654	
...			...	
Cộng:	×	×	7.995.658.115	

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02b - DN

Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...
Cộng		500.525.132.596

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02c1 - DN

Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 211 – Tài sản cố định hữu hình

Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:		14.198.217.891	
			Số phát sinh:			
...
31/07	02/07	31/07	Mua 3 ô tô khách	111	2.597.397.000	
31/07	06/07	31/07	Giảm KH do thanh lý xe KIA	214		532.165.000
31/07	06/07	31/07	Giá trị còn lại của xe	811		364.500.000
...
			Cộng phát sinh:		3.330.664.990	896.665.000
			Số dư cuối kỳ:		16.632.217.888	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.2 Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ ở Công ty.

*** Chứng từ sử dụng:**

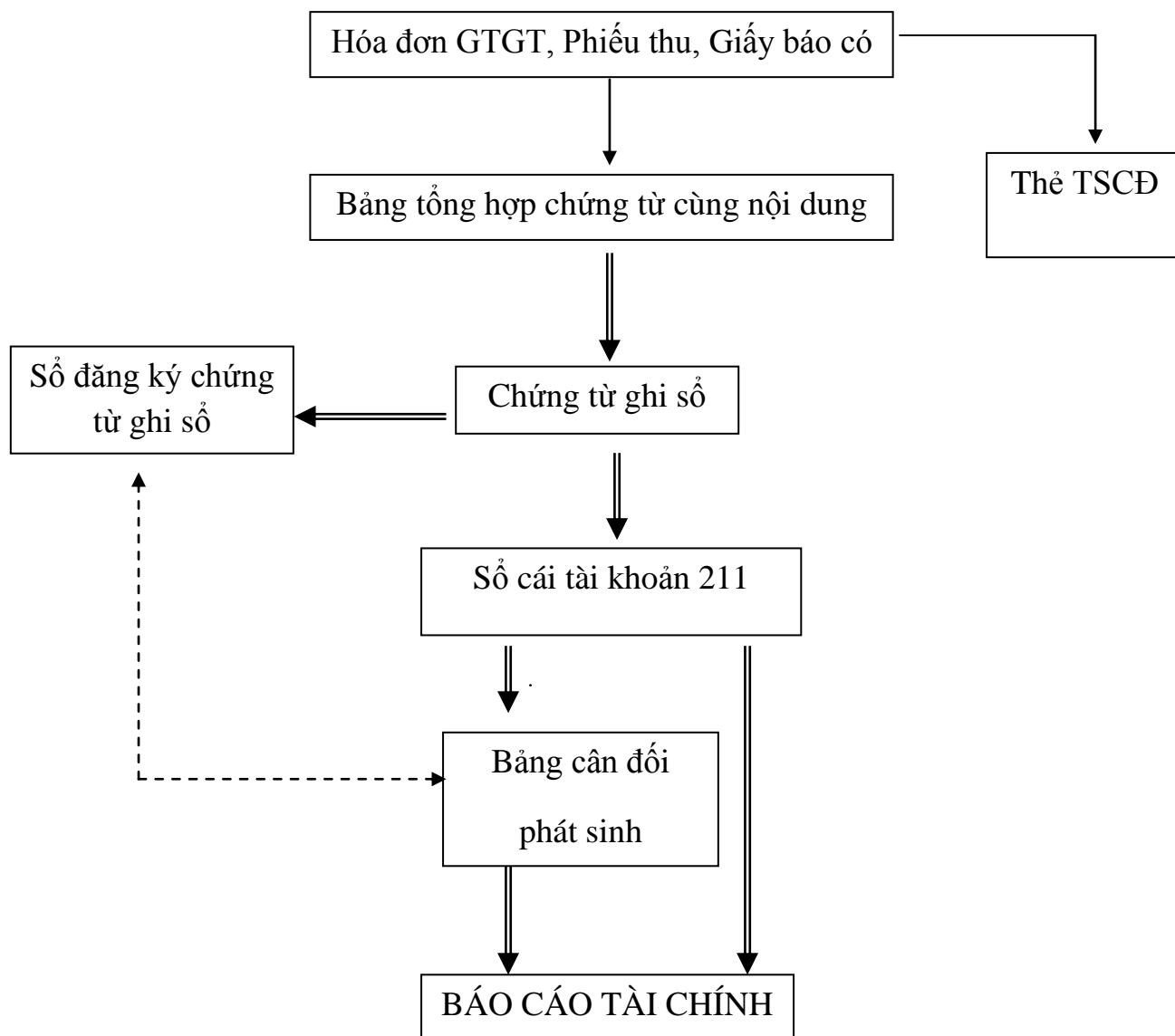
- Biên bản thanh lý
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có, Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 211: TSCĐ hữu hình
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán ghi giảm TSCĐ



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kì
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 Công ty thanh lý 1 xe khách 35 chỗ ngồi cho ông Đào Văn Quang với giá bán chưa có VAT 10% là 364.500.000, đã thu bằng chuyển khoản. Biết xe khách này có nguyên giá là 896.665.000, hao mòn lũy kế là 532.165.000

Kế toán định khoản:

Nợ 214: 532.165.000

Nợ 811: 364.500.000

Có 211: 896.665.000

Nợ 112: 400.950.000

Có 711: 364.500.000

Có 3331: 36.450.000

Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Số 279 Trần Nguyên Hãn

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2012.

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số : BB01

Nợ 214: 532.165.000

Nợ 811: 364.500.000

Có 211: 896.665.000

Căn cứ Quyết định số : 3105/ QĐ- LD ngày 31 tháng 07 năm 2012 của Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng về việc thanh lý tài sản cố định.

I- Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông/Bà: Nghiêm Thế Anh Chức vụ: Phó Giám Đốc Đại diệnTrưởng ban

Ông/Bà: Trần Minh Ngọc Chức vụ: Kế toán trưởng Đại diệnỦy viên

II- Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ : Xe KIA 35 chỗ ngồi BKS: 16H - 2648

- Số hiệu TSCĐ : L700027

- Nước sản xuất (xây dựng): Trung Quốc

- Năm sản xuất : 2007

- Năm đưa vào sử dụng: 2008 Số thẻ TSCĐ

- Nguyên giá TSCĐ : 896.665.000

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 532.165.000

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 364.500.000

III- Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Ban thanh lý quyết định thanh lý phương tiện vận tải cho ông Đào Văn Quang

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trưởng Ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV- Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ :.....(viết bằng chữ)

- Giá trị thu hồi : 364.500.000 (viết bằng chữ) **Ba trăm sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./**

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 31 tháng 07 năm 2012

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AB/12P			
Liên 3 : Nội bộ		Số: 0074352			
Ngày 31 tháng 07 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần ô tô khách Hải Phòng Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - Hải Phòng. Số tài khoản: 102010000207803 Điện thoại: 031.3869768 MST: Họ tên người mua hàng: Đào Văn Quang Tên đơn vị: Địa chỉ: Thái Dương – Thái Thụy- Thái Bình. Số tài khoản: 6201600262531412 Hình thức thanh toán: CK MST:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
	Thu tiền thanh lý xe				364.500.000
Cộng tiền hàng:					364.500.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		36.450.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					400.950.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm triệu chín trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn./					
Người bán hàng		Người mua hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký)	

GIẤY BÁO CÓ



Ngày in : 31/07/2012

Giờ in : 14:25:33

Số tài khoản : 102010000207803

Tên tài khoản : CÔNG TY CP Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo : Tài khoản của quý khách được ghi CÓ với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số Tiền	Loại Tiền	Diễn Giải
31/07/2012 14:25:33	400.950.000	VND	NH phát lệnh: CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN NH giữ tài khoản: CN Lê Chân- NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Số TK: 102010000207803 Người chuyển: Nguyễn Phú An - CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Nội dung giao dịch: Thu tiền thanh lý xe

Công ty cổ phần Ô tô khách

Hải Phòng

Số 279 Trần Nguyên Hãn

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 03/07

Nội dung: Thu tiền gửi Ngân hàng

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112, Ghi Có các TK					Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		511	515	711	333	...	
...
GBC 23/07	31/07	Lãi nhập gốc		756.326				756.326
GBC 24/07	31/07	Doanh thu bán vé	66.298.361			6.629.836		72.928.197
GBC 25/07	31/07	Thu tiền thanh lý xe			364.500.000	36.450.000		400.950.000
GBC 26/07	31/07	Thu tiền thuê xe du lịch	3.253.300			325.330		3.578.300
...
		Cộng	2.662.354.122	756.326	364.500.000	302.685.412	...	3.995.128.627

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02a - DN

Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	
Doanh thu bán hàng tháng 7	112	511	2.662.354.122	
Doanh thu hoạt động tài chính	112	515	756.326	
Thu nhập khác	112	711	364.500.000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	112	333	302.685.412	
...	
Cộng:	×	×	3.995.128.627	

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02a - DN

Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 06/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Số khấu hao đã trích	214	211	532.165.000	
Giá trị còn lại của tài sản cố định	811	211	364.500.000	
Cộng:	×	×	896.665.000	

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02b - DN

Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...
11/12	31/12	129.584.056.837
12/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.596

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 211 – Tài sản cố định hữu hình

Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:		14.198.217.891	
			Số phát sinh:			
...
31/07	02/07	31/07	Mua 3 ô tô khách	111	2.597.397.000	
31/07	06/07	31/07	Giảm KH do thanh lý xe KIA	214		532.165.000
31/07	06/07	31/07	Giá trị còn lại của xe	811		364.500.000
...
			Cộng phát sinh:		3.330.664.990	896.665.000
			Số dư cuối kỳ:		16.632.217.888	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

3.3 Kế toán tổng hợp khấu hao TSCĐ ở Công ty.

* *Khái niệm khấu hao TSCĐ*

Hạch toán hao mòn TSCĐ được phản ánh trên TK 214. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong thời hạn sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng giảm hao mòn khác

* *Nguyên tắc kế toán hao mòn TSCĐ- TK214*

Mọi TSCĐ của doanh nghiệp đều được huy động và sử dụng và đều phải trích khấu hao cơ bản, thu hồi đủ vốn trên cơ sở tính đúng, tính đủ nguyên giá TSCĐ. Các trường hợp không trích khấu hao cơ bản doanh nghiệp phải chấp hành theo đúng quy định quản lý hiện hành của nhà nước.

Đối với các loại TSCĐ đó tính đủ khấu hao cơ bản thì không trích khấu hao nữa

Đối với TSCĐ vô hình phải tùy thời gian phát huy hiệu quả của từng TSCĐ để trích khấu hao cơ bản tính từ khi đưa TSCĐ vào hoạt động

Đối với TSCĐ thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao cơ bản trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí kinh doanh, đảm bảo thu hồi vốn. Bên cho thuê phải tính chi phí đầu tư tài chính theo mức khấu hao của TSCĐ cho thuê

Đối với TSCĐ đầu tư mua sắm bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, kinh phí dự án, bằng quỹ phúc lợi khi hoàn thành dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án hoặc dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi thì không trích khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh mà chỉ tính hao mòn TSCĐ

* *Phương pháp khấu hao*

TSCĐ của doanh nghiệp có nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, cho nên các doanh nghiệp phải xác định phương pháp tính khấu hao phù hợp với từng TSCĐ. Tuy nhiên, các phương pháp khấu hao sẽ cho kết quả khác nhau về chi phí khấu hao

TSCĐ và qua đó ảnh hưởng đến thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Do vậy, việc vận dụng phương pháp khấu hao TSCĐ phải nằm trong khuôn khổ quy định của Nhà nước.

* Phương pháp khấu hao đường thẳng

Mức khấu hao TSCĐ = Mức KH TSCĐ + Mức KH TSCĐ - Mức KH TSCĐ
phải trích trong kỳ đã trích kỳ trước tăng trong kỳ giảm trong kỳ

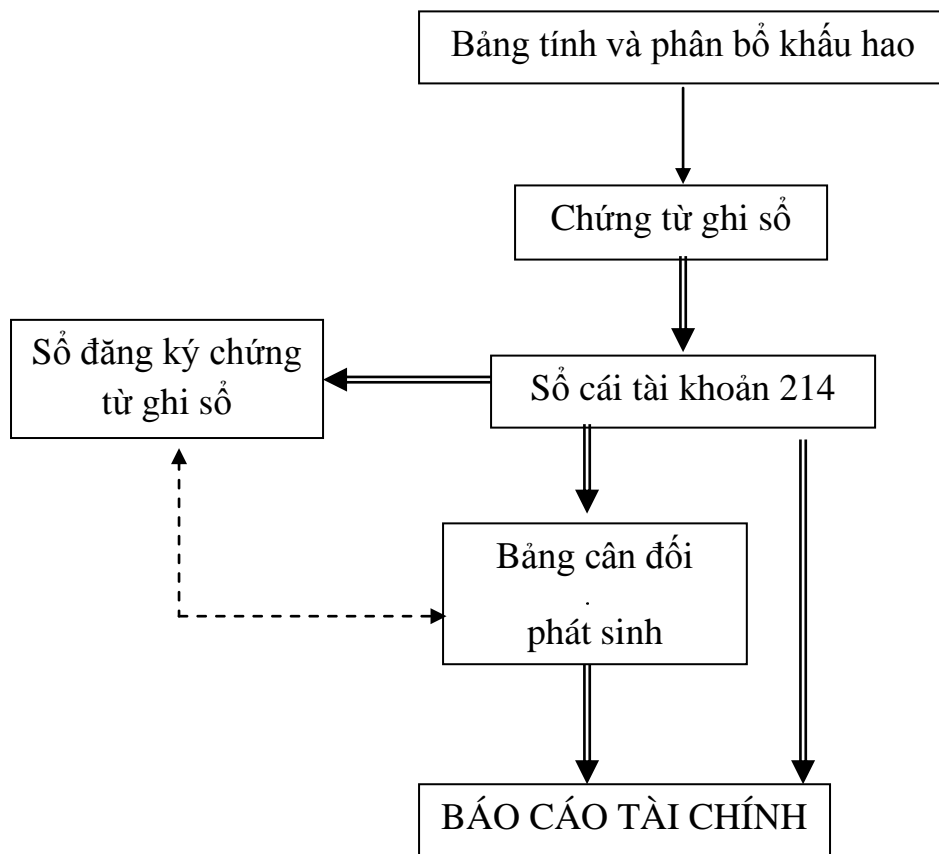
Hiện nay việc tính khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính.

Mức trích khấu hao TSCĐ = Nguyên giá TSCĐ x tỉ lệ khấu hao trong kỳ

Trích hàng tháng

12 tháng

*** Quy trình hạch toán**



Ghi chú :

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kì

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ TẠI CÔNG TY

Tháng 7 năm 2012

STT	Chi tiêu	Số năm sử dụng	Nguyên giá	Số khấu hao	Tập hợp chi phí SX	Chi phí bán hàng	Chi phí quản lý DN
I	Số khấu hao đã trích tháng trước		14.198.217.891	118.318.482	115.637.158	1.236.995	1.444.329
II	Số khấu hao tăng tháng này		2.597.397.000	-	-	-	-
1	Mua ô tô		2.597.397.000	-	-	-	-
III	Số khấu hao giảm tháng này		896.665.000	7.472.208	7.472.208		
1	Thanh lý TSCĐ		896.665.000	7.472.208	7.472.208	-	-
IV	Số khấu hao phải trích tháng này		15.898.949.891	110.846.274	108.164.950	1.236.995	1.444.329

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Mẫu số S02a - DN

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 10/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Trích KH tại PXSC	627	214	108.164.950
Trích KH tại BPBH	641	214	1.236.995
Trích KH tại BP QLDN	642	214	1.444.329
Cộng:			110.846.274

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02b - DN

Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
...
10/07	31/07	110.846.274
...
11/12	31/12	129.584.056.837
12/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.596

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty cổ phần ô tô khách Hải

Mẫu số S02c1 - DN

Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn HP

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 214 – Hao mòn tài sản cố định

Năm 2012

CTGS		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			<u>7.976.708.323</u>
		Số phát sinh trong kỳ			
...
06/07	31/07	Số khấu hao đã trích	211	532.165.000	
10/07	31/07	Trích KH tại PXSC	627		108.164.950
10/07	31/07	Trích KH tại BPBH	641		1.236.995
10/07	31/07	Trích KH tại BP QLDN	642		1.444.329
...	
		Cộng phát sinh		532.165.000	1.333.347.000
		Số dư cuối năm			<u>8.777.890.323</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

3.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ tại công ty

Sửa chữa TSCĐ là việc duy trì , bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ

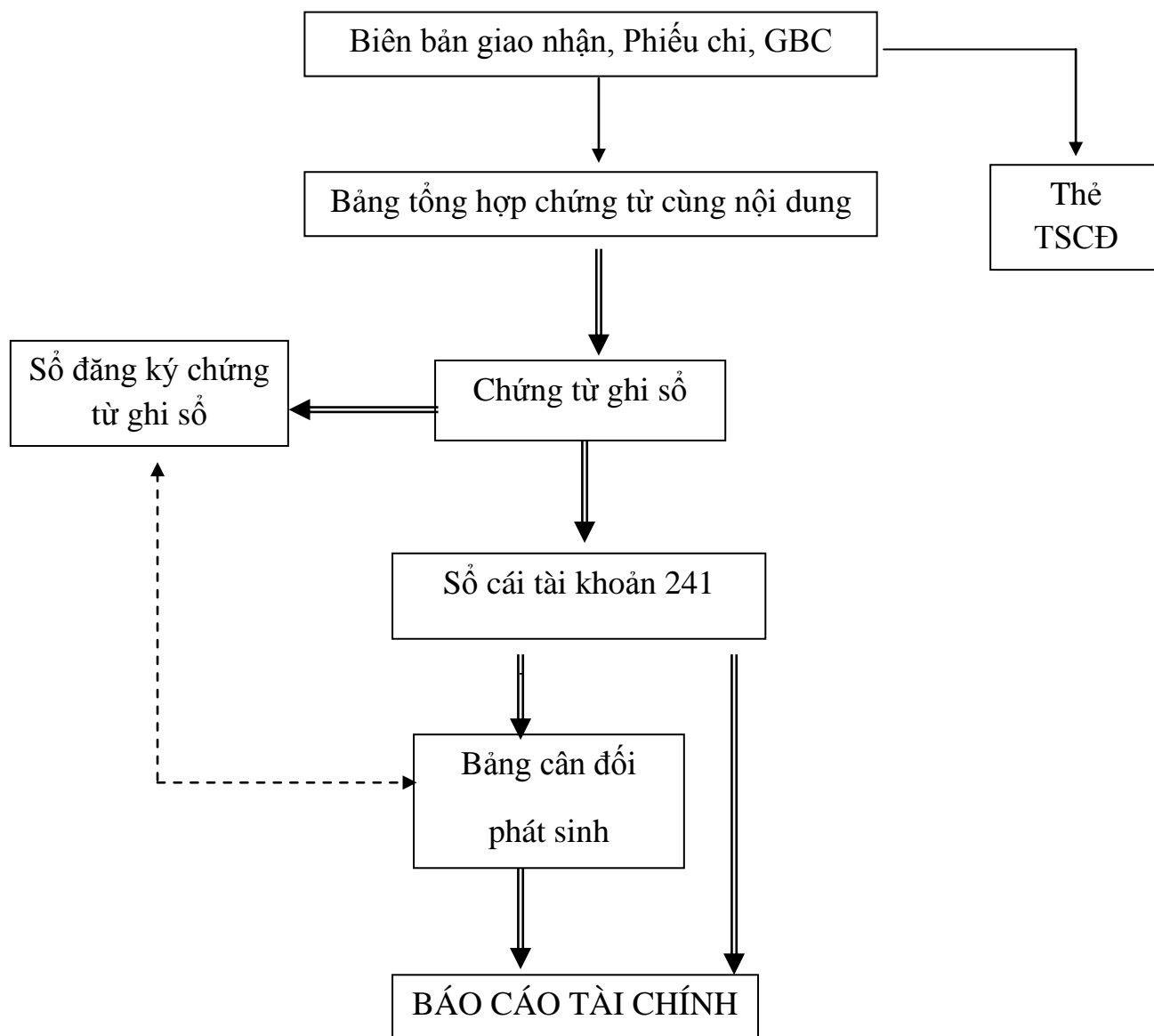
Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất dịch vụ, TSCĐ bị hao mòn dần và hư hỏng từng chi tiết bộ phận

Để duy trì và tiếp tục sử dụng TSCĐ hoạt động bình thường, khôi phục duy trì năng lực hoạt động TSCĐ cần tiến hành sửa chữa thay thế những bộ phận chi tiết của TSCĐ bị hư hỏng

Căn cứ vào quy mô, tính chất công việc sửa chữa cũng như mức độ chi phí sửa chữa và khả năng thực hiện mà doanh nghiệp có thể tiến hành sửa chữa TSCĐ theo phương thức tự làm hoặc thuê ngoài

Kế toán sử dụng TK 241(TK 2413- sửa chữa lớn TSCĐ)

Quy trình hạch toán sửa chữa TSCĐ



Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối kì
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng Mẫu số 04-TSCĐ

Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn đã hoàn thành
Số 001/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Căn cứ quyết định số.....ngàythángnăm 2012 của Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng.

Chúng tôi gồm có :

Ông : Nguyễn Thế Hữu Đại diện đơn vị sửa chữa

Ông Nguyễn Trọng Hiền Đại diện đơn vị có tài sản

Đã kiểm nhận công việc sửa chữa lớn TSCĐ như sau :

Tên ký hiệu TSCĐ : Xe ô tô Hyundai

Số hiệu : 034 Số thẻ TSCĐ : 45

Bộ phận quản lý sử dụng :

Thời gian sử dụng từ ngày 26/04/2012 đến 31/07/2012 các bộ phận sửa chữa gồm có:

Tên bộ phận sửa chữa	Nội dung công việc sửa chữa	Giá dự toán	Chi phí thực tế	Kết quả kiểm tra
1	2	3	4	5
-Thay dầu	Thay toàn bộ dầu máy	9.000.000	9.000.000	Đạt yêu cầu kỹ thuật

Kết luận : Công việc sửa chữa hoàn thành đảm bảo yêu cầu kỹ thuật máy đã qua vận hành chạy thử đồng ý thanh toán hết số kinh phí sửa chữa còn lại cho xưởng sửa chữa.

Kế toán trưởng

Đơn vị nhận

Đơn vị giao

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số 02 – TT

Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số CT: 45/07

Ngày: 31/07/2012

Nợ 241: 9.000.000

Có 111: 9.000.000

Họ, tên người nhận tiền: Xưởng sửa chữa

Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa chữa xe Ô tô

Số tiền: **9.000.000**

Bằng chữ : Chín triệu đồng chẵn

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Chín triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ:.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

Số 279 Trần Nguyên Hãn

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 02/07

Nội dung: Chi tiền mặt

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111, Ghi Nợ các TK					Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		241	641	642	133	...	
...
PC 45/07	31/07	Chi tiền sửa chữa TSCĐ	9.000.000					9.000.000
PC 46/07	31/07	Chi trả tiền điện thoại tháng 07		302.523		30.252		332.775
PC 47/07	31/07	Thanh toán tiền chi phí hội nghị			1.500.000			1.500.000
...
PC 50/07	31/07	Chi trả tiền điện thoại tháng 07			1.027.776	102.778		1.130.554
...
		Cộng	9.000.000	26.358.998	22.356.859	815.668.654	...	7.995.658.115

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02b - DN

Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	
Chi tiền sửa chữa TSCĐ	241	111	9.000.000	
Chi phí bán hàng	641	111	26.358.998	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	100.325.689	
Thuế gtgt được khấu trừ	133	111	815.668.654	
...			...	
Cộng:	×	×	7.995.658.115	

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn

Mẫu số S02b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...
11/12	31/12	129.584.056.837
12/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.596

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty cổ phần Ô tô khách

Mẫu số S02c1 - DN

Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 241 – Sửa chữa TSCĐ

Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh:			
...
31/07	02/07	31/07	Sửa chữa xe Ô tô	111	9.000.000	
31/08	02/08	31/08	Sửa chữa xe Ô tô	111	15.500.000	
30/09	02/09	30/09	Sửa chữa xe Ô tô	111	12.323.000	
...
			Cộng phát sinh:			
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHẦN III : MỘT SỐ NHẬN XÉT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

I – Một số nhận xét về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng.

1. Đánh giá những ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

1.1 Về bộ máy quản lý

Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng và hạch toán phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Ngoài chức năng, nhiệm vụ của mình, các phòng còn giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong công ty cũng như các phần hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.

1.2. Bộ máy kế toán

1.2.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Trong những năm qua, ban lãnh đạo và đội ngũ lao động trong công ty không ngừng cố gắng khắc phục những khó khăn để hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Có được những thành quả đó phải kể tới sự đóng góp không nhỏ của bộ máy kế toán đã cung cấp những thông tin chính xác góp phần giúp công ty có định hướng đúng trong thời điểm khó khăn của công ty.

Công ty áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty nên công việc được phân bổ đồng đều ở các khâu, kịp thời cập nhật số liệu kế toán. Mỗi kế toán viên đảm

nhận từng phần hành kế toán khác nhau, phù hợp với trình độ năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hóa. Đồng thời các nhân viên kế toán có mối quan hệ qua lại chặt chẽ, cùng chịu sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng.

1.2.2. Về công tác kế toán nói chung

- Về hệ thống chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán vừa là cơ sở hạch toán vừa là cơ sở pháp lý cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chế độ chứng từ kế toán được Công ty chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ tài chính và công ty. Quá trình luân chuyển chứng từ được kiểm tra chặt chẽ, an toàn. Sau khi luân chuyển, chứng từ được lưu trữ ở hồ sơ từng bộ phận riêng biệt tạo thuận lợi cho công việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Việc lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ được thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Về hệ thống sổ sách kế toán: Công ty áp dụng các hình thức kế toán thích hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo được yêu cầu đề ra. Việc sử dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ” để phản ánh các nghiệp vụ kế toán rất phù hợp với kế toán máy, thuận tiện cho việc chuyên môn hoá được lao động, trên cơ sở phân công lao động. Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, thống nhất cách thiết kế sổ nhật ký và sổ cái, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra.

- Về quy trình hạch toán kế toán: Cán bộ trong phòng kế toán đã tổ chức vận dụng đúng đắn, nghiêm chỉnh các chính sách, thể lệ chế độ về kế toán trong công tác hạch toán kế toán. Do vậy, công tác kế toán của Công ty đạt được hiệu quả khá cao. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty được phản ánh nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện cho ban lãnh đạo Công ty đề ra các phương

án hoạt động kinh doanh kịp thời, giúp cho hoạt động quản lý kinh tế đạt hiệu quả cao.

1.3 Ưu điểm về kế toán Tài sản cố định (TSCĐ) tại Công ty

Trong điều kiện cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, xuất phát từ đặc thù kinh doanh của ngành, công ty cũng vươn lên đầu tư đổi mới trang thiết bị máy móc hiện đại, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, tổ chức tốt công tác sản xuất kinh doanh. Do đó công ty luôn chú trọng tới phần hành kế toán TSCĐ.

Việc phân loại tài sản cố định thành 5 loại: Nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác tuy chưa thực sự cụ thể và chưa được tối ưu nhưng vẫn giúp người xem báo cáo tài chính nhận biết được cơ cấu tài sản cố định của công ty cũng như giúp công ty biết được tỷ trọng của từng loại tài sản cố định trong tổng số tài sản cố định đang dùng trong kinh doanh là bao nhiêu.

Kế toán chi tiết tài sản cố định với việc mở thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ, sổ chi tiết tăng giảm TSCĐ đó đảm bảo theo dõi đầy đủ các đặc trưng của tài sản cố định về năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị hao mòn... giúp cho kế toán quản lý chi tiết TSCĐ được chặt chẽ và có hiệu quả.

Công ty đã thực hiện đầy đủ thủ tục chứng từ làm cơ sở cho hạch toán kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng. Đối với kế toán TSCĐ, kế toán đã đảm bảo việc thực hiện trích lập, hạch toán chính xác kịp thời số khấu hao vào đối tượng chịu chi phí và giá trị hao mòn của TSCĐ.

Công ty đã thực hiện tốt chế độ kiểm kê định kỳ tài sản, thực hiện tốt chế độ báo cáo kế toán TSCĐ theo quy định của ngành và của Nhà nước. Những Thông tư, Quyết định thường xuyên được kế toán nắm vững và vận dụng vào công tác hạch toán TSCĐ. Nhân viên kế toán tại công ty với trình độ vững vàng

luôn nhanh chóng thích ứng và có những thay đổi trong hạch toán kế toán để phù hợp với những thay đổi của chế độ.

2. Đánh giá những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng còn một số mặt hạn chế:

2.1 Về công tác kế toán nói chung

Do sự thay đổi thường xuyên của chế độ kế toán tài chính, việc áp dụng nhất quán các chính sách của Bộ tài chính luôn luôn bị biến động dẫn đến thời gian chưa kịp thời, mất nhiều công đoạn, ảnh hưởng đến tình hình cập nhật và nắm bắt thông tin còn hạn chế.

Phòng kế toán của Công ty nhìn chung các nhân viên đều là những người có trình độ, kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng, đáp ứng được tốt về mặt chất lượng nhưng lại không tốt về mặt số lượng. Lý do vì mô hình kế toán tập trung tại Công ty tuy thuận tiện cho hoạt động kiểm tra của Công ty nhưng lại cần một số lượng nhân viên kế toán đông, khối lượng công việc nhiều, áp lực công việc lớn. Vì vậy mà các nhân viên kế toán trong Công ty phải kiêm nhiệm nhiều công việc cùng một lúc.

Bên cạnh đó, Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao. Mặc dù Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, cụ thể là đã trang bị máy vi tính cho phòng kế toán, song việc ứng dụng mới chỉ dừng lại ở việc tính toán số liệu trên excel, lưu trữ tài liệu, công tác kế toán vẫn còn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống, vẫn chưa giảm bớt thời gian trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo kế toán.

2.2. Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ trong Công ty

Về kế toán chi tiết tài sản cố định hữu hình: Công ty chỉ đánh số theo đặc trưng kỹ thuật của TSCĐ mà không đánh số theo bộ phận quản lý và sử dụng.

Công ty chưa áp dụng mở sổ chi tiết để theo dõi TSCĐ. Như vậy công ty sẽ không thể theo dõi một cách chặt chẽ, kịp thời, tăng cường và ràng buộc trách nhiệm vật chất của các bộ phận và cá nhân trong việc bảo quản và sử dụng TSCĐ.

Về kế toán sửa chữa lớn TSCĐ hữu hình: Hiện nay, Công ty không tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ nên quá trình sửa chữa lớn ở Công ty thường kéo dài do Công ty gặp khó khăn trong việc tìm nguồn chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Về kế toán khấu hao TSCĐ: Hiện nay ở công ty có nhiều tài sản tuy đã hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng và có xu hướng là tỷ trọng ngày càng lớn chứng tỏ rằng phương pháp khấu hao được áp dụng và việc tổ chức công tác kế toán để xác định mức khấu hao là chưa phù hợp. Nếu những tài sản đó hết khấu hao và vẫn tham gia vào sản xuất mà không phải trích khấu hao thì đương nhiên chỉ tiêu mức khấu hao hàng năm sẽ nhỏ, điều không hợp lý này dẫn tới cơ cấu chi phí và giá thành sẽ thay đổi, lợi nhuận thay đổi... gây khó khăn lớn cho việc phân tích hoạt động kinh tế bởi vỡ khi tính các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất có liên quan đến TSCĐ như: số vòng quay của TSCĐ, tỷ suất lợi nhuận tính trên tổng tài sản... sẽ không được chính xác, số liệu phân tích sẽ kém ý nghĩa kinh tế.

II - Một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác “ Kế toán tài sản cố định “ tại Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng

Trong một thời gian ngắn thực tập tại Phòng kế toán Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng, em đã được tiếp cận và có sự nhìn nhận thực tế hơn đối với công tác kế toán của một Doanh nghiệp. Thực trạng kế toán TSCĐ tại Công ty thì nhìn chung công tác quản lý, hạch toán TSCĐ trong Công ty là khá tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán TSCĐ cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Ngày nay, kế toán không chỉ làm công tác tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và sự vận động của tài sản mà nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu. Dựa trên những thông tin trung thực, chính xác nhà quản trị mới có thể đưa ra được những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Như vậy về mặt sử dụng thông tin, kế toán là một công cụ không thể thiếu trong công cụ quản lý kinh doanh có hiệu quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các hoạt động của mọi tổ chức, mọi Doanh nghiệp.

Hoàn thiện quá trình này sẽ giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của Doanh nghiệp và đưa ra những phương hướng kinh doanh kỳ tới.

2. Các kiến nghị hoàn thiện

2.1 Kiến nghị 1

Hiện tại số lượng tài sản cố định trong Công ty tương đối nhiều, tuy nhiên hệ thống sổ sách kế toán trong Công ty chưa áp dụng Sổ chi tiết tài sản cố định. Điều này khiến cho Công ty sẽ không thể theo dõi một cách chặt chẽ, kịp thời, tăng cường và ràng buộc trách nhiệm vật chất của các bộ phận và cá nhân trong việc bảo quản và sử dụng TSCĐ. Vì vậy, Công ty nên mở sổ chi tiết tài khoản TSCĐ. Sổ này được dùng để theo dõi từng loại TSCĐ cho toàn doanh nghiệp như: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn,... Sổ này sẽ có tác dụng là giúp Phòng kế toán đối chiếu được số liệu với sổ cái 211, qua đó sẽ theo dõi được chi tiết tình trạng tài sản cố định trong công ty một cách có hiệu quả hơn.

Phương pháp ghi sổ chi tiết TSCĐ: Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ tăng TSCĐ: Biên bản giao nhận, Thẻ TSCĐ, kế toán chi tiết sẽ ghi vào sổ TSCĐ ở các cột 1-8 và tính mức khấu hao trung bình hằng năm trên các cột 9,10; căn cứ vào các chứng từ giảm TSCĐ: Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, Hóa đơn... kế toán chi tiết TSCĐ sẽ ghi vào các cột 11-14. Cuối mỗi trang sổ phải cộng lũy kế để chuyển sang trang sau.

Sau đây là mẫu sổ chi tiết tài sản cố định theo quy định chế độ kế toán hiện hành :

Đơn vị: Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP

Mẫu số S21-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm: 2102

Loại tài sản: Phương tiện vận tải

Số TT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng						Tỷ lệ (%) khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	0074311	15/07	Transinco 1-5 K52 01	HQ	08/2012	TRK52.01	865.799.000						
2	0074311	15/07	Transinco 1-5 K52 02	HQ	08/2012	TRK52.02	865.799.000						
3	0074311	15/07	Transinco 1-5 K52 03	HQ	08/2012	TRK52.03	865.799.000						
...						
			Cộng	x	x	x	3.330.664.990				x	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2 Kiến nghị 2

Hiện nay ở công ty có nhiều tài sản tuy đã hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng nhưng hiệu quả và năng suất mà nó đem lại là rất thấp. Vì nếu cứ cố kéo dài mãi việc sử dụng những tài sản này sẽ dẫn đến tốn kém nhiều chi phí sửa chữa, có nguy cơ mất an toàn lao động, sản phẩm do chúng tạo ra không đảm bảo chất lượng và có thể doanh nghiệp bị tụt hậu, kém khả năng cạnh tranh do mất cơ hội để đầu tư trang bị những loại tài sản cố định mới có công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến. Tuy nhiên công ty chưa có hướng xử lý phù hợp để giảm thiểu số lượng của các tài sản đã hết thời gian khấu hao. Để khắc phục tình trạng này, công ty cần tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

- Tổ chức kiểm kê đánh giá lại thực trạng của những tài sản cố định đó hết khấu hao, nếu tài sản nào còn sử dụng tốt thì tăng cường chế độ quản lý hiện vật, tăng công suất sử dụng và sớm có kế hoạch thay thế; mạnh dạn nhượng bán, thanh lý những tài sản đã lạc hậu hoặc hiệu quả sử dụng kém. để có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty, tránh lạc hậu về công nghệ.

- Đưa nội dung phản ánh thực trạng về mặt kỹ thuật, công nghệ, tính năng, tác dụng của những tài sản cố định đã khấu hao hết nguyên giá hiện có tại doanh nghiệp vào trong báo cáo thuyết minh tài chính hàng năm của công ty. Tổ chức các hội nghị phân tích đánh giá hiệu quả của việc tiếp tục sử dụng hay không sử dụng những tài sản này để Công ty có những phương án, quyết định điều chỉnh kịp thời trong việc sử dụng TCSĐ một cách hợp lý và hiệu quả.

2.3 Kiến nghị 3

Hiện nay, doanh nghiệp đang trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng với mức trích khấu hao được quy định trong một phạm vi nhất định. Việc quy định phương pháp khấu hao duy nhất được áp dụng là chưa hợp lý với những lý do sau:

Thứ nhất: TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau, công dụng của tài sản cũng như cách phát huy của tài sản trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có sự khác nhau. Mức độ suy giảm về giá trị và giá trị sử dụng của tài sản cũng khác nhau, lợi ích thu được từ việc sử dụng tài sản cũng có sự khác nhau.

Thứ hai: Khấu hao TSCĐ là sự phân bổ có hệ thống các chi phí doanh nghiệp đó đầu tư để có được tài sản vào chi phí sản xuất kinh doanh trong quá trình sử dụng tài sản và đảm bảo phù hợp với lợi ích thu được từ tài sản đó trong quá trình sử dụng.

Thứ ba: Xuất phát từ nguyên tắc của kế toán với nội dung cơ bản là thu nhập phải phù hợp với chi phí đó chi ra trong kỳ kế toán, mà chi phí khấu hao là một khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ tư: Vì khấu hao là một yếu tố chi phí có liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu quy định các doanh nghiệp phải trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng để đảm bảo số liệu tính thuế được đúng đắn, khi thực hiện như vậy đã có sự đồng nhất giữa kế toán doanh nghiệp và kế toán thuế, trong khi hệ thống kế toán doanh nghiệp không đồng nhất với kế toán tính thuế.

Để đảm bảo số liệu kế toán cung cấp phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tình hình sử dụng tài sản của doanh nghiệp, Nhà nước nên thay đổi quy định về khấu hao TSCĐ theo hướng sau:

Thứ nhất: Cho phép doanh nghiệp được lựa chọn phương pháp khấu hao phù hợp với công dụng, cách thức sử dụng tài sản nhằm mục đích thu được lợi ích kinh tế trong quá trình sử dụng. Cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc, các TSCĐ vô hình...: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thường gắn liền với quá trình sản xuất kinh doanh, tính năng công suất sử dụng bị giảm dần trong quá trình sử

dụng: Cho phép áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng hoặc pháp khấu hao nhanh.

Đối với các thiết bị, dụng cụ quản lý thường chịu tác động của hao mòn vô hình nhiều: áp dụng phương pháp khấu hao nhanh.

Thứ hai: Có quy định cụ thể về mức khấu hao hoặc phương pháp khấu hao phục vụ mục tiêu tính thuế, phạm vi áp dụng của các quy định này vào thời điểm cuối niên độ kế toán khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải thực hiện với ngân sách Nhà nước.

Thứ ba: Đối với trường hợp các doanh nghiệp có TSCĐ hạch toán theo hợp đồng thuê dài hạn, phương pháp khấu hao cũng được áp dụng như các TSCĐ cùng loại thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, hoặc phù hợp với điều kiện cách thức sử dụng tài sản để thu lợi.

Thứ tư: Đối với tài sản tạm ngừng sử dụng tại doanh nghiệp như ngừng vì lý do thời vụ, cho thuê hoạt động, tài sản cầm cố ...trong thời gian ngừng sử dụng vẫn phải trích khấu hao nhưng áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

Khi doanh nghiệp được phép áp dụng các phương pháp khấu hao khác nhau dẫn tới số liệu do kế toán doanh nghiệp phản ánh về chi phí khấu hao sẽ khác với số liệu của kế toán thuế, do đó kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định, nhưng theo quan điểm của kế toán là được phép.

Có ý kiến cho rằng áp dụng phương pháp khấu hao nhanh sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước. Các doanh nghiệp lợi dụng tăng mức khấu hao để giảm thuế thu nhập, tuy nhiên mục đích của khấu hao là thu hồi đủ vốn đầu tư ở TSCĐ. Áp dụng phương pháp khấu hao nhanh, trong thời gian đầu mức khấu hao cao làm giảm thuế thu nhập, nhưng

khi đó thu hồi đủ vốn đầu tư ở TSCĐ, tài sản vẫn sử dụng tốt mà không phải trích khấu hao, khi đó lợi nhuận sẽ tăng lên do đó thuế thu nhập tăng.

2.4 Kiến nghị 4

Hiện tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng vẫn còn đang ứng dụng việc tính toán các số liệu trên ứng dụng excel của MS Office 2007, các công việc lưu trữ tài liệu, công tác kế toán vẫn còn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống, vẫn chưa giảm bớt thời gian trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo kế toán. Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao.

Vì lý do trên, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ, tính toán số liệu. Các phần mềm kế toán được nhiều Công ty sử dụng hiện nay như : MISA, CADS, Acsoft, AISC... Các phần mềm này có nhiều tiện ích, phù hợp với hoạt động của Công ty như: đơn giản, dễ sử dụng, tốc độ xử lý thông tin nhanh, dễ dàng phát hiện sai sót, đảm bảo độ chính xác của thông tin xử lý.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế theo cơ chế thị trường với sự quản lý của Nhà nước đòi hỏi các doanh nghiệp một mặt phải tự trang trải được các chi phí, mặt khác phải thu được lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu đó chỉ có thể đạt được trên cơ sở quản lý chặt chẽ các loại tài sản, vật tư, chi phí, quản lý chặt chẽ tài sản cố định của doanh nghiệp. Vì vậy, nâng cao chất lượng thông tin kế toán thông qua hạch toán tài sản cố định ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng”, qua thời gian thực tập tại Công ty em đã cố gắng đi sâu tìm hiểu thực tế về công việc kế toán tài sản cố định trong Công ty, để từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa về tình hình kế toán tài sản cố định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác của Công ty. Cũng trong thời gian thực tập này em đã nhận thức được rằng lý luận phải gắn liền với thực tiễn, phải vận dụng linh hoạt lý thuyết đã được học cho phù hợp với tình hình thực tế, qua đó đúc kết được nhiều kinh nghiệm bổ ích sau này.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại Công ty có hạn, bài viết này không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp chỉ bảo của các thầy cô để khóa luận em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn tới Ban lãnh đạo cùng toàn thể các cán bộ phòng tài chính kế toán của Công ty Cổ phần Ô tô khách và đặc biệt là giáo viên hướng dẫn – Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!